



## **Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Việt Nam Chọn Lọc**

Báo cáo tài chính cho năm  
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021



## **Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Việt Nam Chọn Lọc**

### **Thông tin chung**

#### **Giấy Chứng nhận Đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ ra công chúng**

91/GCN-UBCK cấp ngày 29 tháng 12 năm 2017

Giấy Chứng nhận Đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ ra công chúng do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

#### **Giấy Chứng nhận Đăng ký thành lập Quỹ đầu tư đại chúng**

31/GCN-UBCK cấp ngày 2 tháng 3 năm 2018

Giấy Chứng nhận Đăng ký thành lập Quỹ đầu tư đại chúng đã được điều chỉnh bởi Giấy Chứng nhận Đăng ký thành lập Quỹ đầu tư đại chúng số 05/GCN-UBCK ngày 2 tháng 12 năm 2019. Giấy Chứng nhận Đăng ký thành lập Quỹ đầu tư đại chúng và giấy chứng nhận điều chỉnh được cấp bởi Ủy ban Chứng Khoán Nhà Nước với thời gian hoạt động không xác định.

#### **Ban Đại diện Quỹ**

Ông Trần Đắc Sinh	Chủ tịch
Bà Vương Thị Hoàng Yến	Thành viên
Ông Nguyễn Hoàng Khánh	Thành viên

#### **Công ty Quản lý Quỹ**

Công ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Đầu tư Dragon Capital Việt Nam

#### **Ngân hàng Giám sát**

Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam)

#### **Trụ sở đăng ký**

Lầu 15, Tòa nhà Mê Linh Point  
Số 2 Ngô Đức Kế, Phường Bến Nghé  
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh  
Việt Nam

#### **Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

**Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Việt Nam Chọn Lọc**  
**Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ**

**CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Công ty Cổ Phần Quản lý Quỹ Đầu tư Dragon Capital Việt Nam (“Công ty Quản lý Quỹ”) chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Quỹ Đầu tư Cổ Phiếu Việt Nam Chọn Lọc (“Quỹ”) theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 (“Thông tư 198”) do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở, các quy định có liên quan của Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 (“Thông tư 98”) do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong quá trình lập các báo cáo tài chính này, Công ty Quản lý Quỹ được yêu cầu phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng cho Quỹ có được tuân thủ hay không và trong trường hợp không tuân thủ, thuyết minh rõ các khác biệt trọng yếu trong báo cáo tài chính; và
- lập báo cáo tài chính theo giả định hoạt động liên tục trừ khi giả định này không còn phù hợp với Quỹ.

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp được thiết lập và lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính và danh mục của Quỹ, với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào, và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ các chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Thông tư 198, các quy định có liên quan của Thông tư 98 và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Quỹ và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp nhằm ngăn chặn và phát hiện những gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cam kết rằng công ty đã tuân thủ các yêu cầu trên trong việc lập báo cáo tài chính của Quỹ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

## **Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Việt Nam Chọn Lọc** **Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)**

### **I. Thông tin chung về Quỹ**

#### **1. Mục tiêu của Quỹ**

Mục tiêu của Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Việt Nam Chọn Lọc (“Quỹ”) được đặt ra phù hợp với Giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước (“UBCKNN”) cấp, Điều lệ và Bản cáo bạch của Quỹ.

#### **2. Hiệu quả hoạt động của Quỹ**

Theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, giá trị tài sản ròng (“NAV”) của Quỹ tăng 104,88%, trong khi NAV trên một chứng chỉ quỹ (“CCQ”) tăng 53,38% so với giá trị ngày 31 tháng 12 năm 2020.

#### **3. Chính sách và chiến lược đầu tư của Quỹ**

Chiến lược đầu tư của Quỹ là kết hợp linh hoạt chiến lược đầu tư giá trị với đầu tư tăng trưởng. Quỹ theo đuổi chiến lược đầu tư dài hạn, tập trung phân tích các yếu tố cơ bản và giá trị doanh nghiệp.

Quỹ sẽ đầu tư chủ yếu vào cổ phiếu của các công ty hiện đang niêm yết và đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán Việt Nam có vốn hóa trung bình và lớn ở tất cả ngành nghề. Quỹ sẽ tận dụng các cơ hội đầu tư đến từ xu hướng tăng trưởng dài hạn của cơ cấu dân số, quá trình chuyển đổi mô hình kinh tế sang tư nhân và cổ phần hóa, và sự cải thiện về quản trị doanh nghiệp và quy định pháp lý minh bạch theo chuẩn mực quốc tế. Danh mục chứng khoán của quỹ có thể nắm tỷ lệ tập trung tại một số công ty ở một vài ngành nghề cụ thể.

Quỹ được phép đầu tư vào các loại tài sản như sau: Tiền gửi tại ngân hàng thương mại, ngoại tệ, công cụ thị trường tiền tệ, trái phiếu chính phủ, cổ phiếu niêm yết, trái phiếu niêm yết của các doanh nghiệp, chứng khoán phái sinh niêm yết và các loại tài sản tài chính khác theo quy định của pháp luật.

#### **4. Phân loại của Quỹ**

Quỹ là quỹ đại chúng dạng mở.

#### **5. Thời gian khuyến cáo đầu tư của Quỹ**

Quỹ không bị giới hạn về thời hạn hoạt động.

#### **6. Mức độ rủi ro ngắn hạn**

Quỹ có mức độ rủi ro ngắn hạn cao.

#### **7. Thời điểm bắt đầu hoạt động của Quỹ**

Quỹ được thành lập dưới hình thức quỹ đại chúng dạng quỹ mở theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Thành lập số 31/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam cấp ngày 2 tháng 3 năm 2018.

**Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Việt Nam Chọn Lọc**  
**Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)**

**8. Quy mô Quỹ tại ngày lập báo cáo**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021:

- Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành: 368.787.914,23 chứng chỉ quỹ
- Tổng giá trị chứng chỉ quỹ theo mệnh giá: 3.687.879.142.300 VND
- Tổng giá trị tài sản ròng: 5.401.131.696.403 VND
- Giá trị tài sản ròng của một đơn vị CCQ: 14.645,63 VND

**9. Chỉ số tham chiếu của Quỹ**

Quỹ không có chỉ số tham chiếu.

**10. Chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ**

Quỹ không phân phối lợi nhuận của mình. Toàn bộ lợi nhuận tạo ra từ hoạt động của Quỹ sẽ được tích lũy làm tăng giá trị tài sản ròng của Quỹ.

**II. Số liệu hoạt động**

**1. Cơ cấu tài sản của Quỹ**

Cơ cấu tài sản của Quỹ	31/12/2021	31/12/2020	31/12/2019
	(%)	(%)	(%)
Danh mục chứng khoán	98,89%	92,89%	96,22%
Tài sản khác	1,11%	7,11%	3,78%
<b>Total</b>	<b>100,00%</b>	<b>100,00%</b>	<b>100,00%</b>



**Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Việt Nam Chọn Lọc**  
**Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)**

**2. Chỉ tiêu hoạt động**

Chỉ tiêu	31/12/2021	31/12/2020	31/12/2019
2.1 Giá trị tài sản ròng của Quỹ (VND)	5.401.131.696.403	2.636.232.386.421	51.506.838.771
2.2 Tổng số Chứng chỉ quỹ đang lưu hành (Chứng chỉ quỹ)	368.787.914,23	276.079.186,53	6.372.222,18
2.3 Giá trị tài sản ròng/Chứng chỉ quỹ (VND)	14.645,63	9.548,82	8.083,02
2.4 Giá trị tài sản ròng/Chứng chỉ quỹ cao nhất trong kỳ (VND)	14.653,10	9.548,82	8.702,37
2.5 Giá trị tài sản ròng/Chứng chỉ quỹ thấp nhất trong kỳ (VND)	9.548,82	5.186,22	7.442,44
2.9 Tổng tăng trưởng giá trị tài sản ròng/Chứng chỉ quỹ (so với kỳ trước) (%)	53,38%	18,13%	6,11%
2.9.1 Tăng trưởng vốn (%) / 1 đơn vị CCQ (Thay đổi do biến động giá)	15,84%	11,67%	13,63%
2.9.2 Tăng trưởng thu nhập (%) / 1 đơn vị CCQ (Tính trên thu nhập đã thực hiện)	37,54%	6,46%	(7,52%)
2.13 Chi phí hoạt động của Quỹ/Giá trị tài sản ròng bình quân (%)	1,33%	1,64%	3,68%
2.14 Tốc độ vòng quay danh mục (%)	168,48%	224,08%	31,69%

**3. Tăng trưởng qua các kỳ**

Kỳ	Tổng tăng trưởng giá trị tài sản ròng/Chứng chỉ quỹ (%)	Tăng trưởng giá trị tài sản ròng/Chứng chỉ quỹ hàng năm (%)
- 1 năm (31/12/2020 – 31/12/2021)	53,38%	53,38%
- 3 năm (31/12/2018 – 31/12/2021)	92,27%	24,35%
- Từ khi thành lập (2/3/2018 – 31/12/2021)	46,46%	10,46%

**4. Tăng trưởng hàng năm**

Kỳ	31/12/2021 (%)	31/12/2020 (%)	31/12/2019 (%)
Tỷ lệ tăng trưởng/ Chứng chỉ quỹ (%)	53,38%	18,13%	6,11%

## Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Việt Nam Chọn Lọc Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)

### III. Mô tả thị trường

Chỉ số VN-Index đóng cửa tại 1.498 điểm vào cuối năm 2021. Giá trị giao dịch trung bình của VN-Index trong 2021 đạt khoảng 883 triệu USD, tăng 276% so với năm 2020. Kết thúc năm 2021, chỉ số VN-Index đạt mức tăng 35,7% so với cuối năm trước.

Những điểm chính của thị trường trong năm 2021:

- i) VN-Index tăng 35,7% và có thể tăng cao hơn;
- ii) Cổ phiếu vốn hóa nhỏ tiếp tục đà tăng, nhưng dòng tiền sẽ hướng tới nhóm vốn hóa lớn để phản ánh đà phục hồi kinh tế;
- iii) Thị trường thuộc nhóm dẫn đầu toàn cầu năm 2021 và đạt được những tiến bộ lớn; và
- iv) Quá trình phục hồi kinh tế chỉ mới bắt đầu và định giá cổ phiếu vẫn đang hấp dẫn.

### IV. Chi tiết các chỉ tiêu hoạt động của Quỹ

#### 1. Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ

Chỉ tiêu	1 năm đến thời điểm báo cáo (%)	3 năm gần nhất tính đến thời điểm báo cáo (%)	Từ khi thành lập đến thời điểm báo cáo (%)
Tăng trưởng thu nhập/1 CCQ	37,54%	52,06%	39,59%
Tăng trưởng vốn/1 CCQ	15,84%	40,21%	6,87%
Tổng tăng trưởng/1 CCQ	53,38%	92,27%	46,46%

(\*) Quỹ không có danh mục cơ cấu.

(\*\*) Quỹ không có giá trị thị trường.

**Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Việt Nam Chọn Lọc**  
**Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)**



▪ Thay đổi Giá trị tài sản ròng

Chỉ tiêu	31/12/2021 VND	31/12/2020 VND	Tỷ lệ thay đổi %
	[1]	[2]	[3]=([1]-[2])/[2]
Giá trị tài sản ròng	5.401.131.696.403	2.636.232.386.421	104,88%
Giá trị tài sản ròng/Chứng chỉ quỹ	14.645,63	9.548,82	53,38%

**2. Thống kê về nhà đầu tư nắm giữ Chứng chỉ quỹ tại ngày báo cáo**

Quy mô nắm giữ (Số lượng chứng chỉ quỹ)	Số lượng Nhà đầu tư nắm giữ	Số lượng Chứng chỉ quỹ nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ
Dưới 5.000	11	24.500,00	0,01%
Từ 5.000 đến dưới 10.000	3	15.500,00	0,00%
Từ 10.000 đến dưới 50.000	2	62.000,00	0,02%
Từ 50.000 đến dưới 500.000	1	130.000,00	0,04%
Từ 500.000 trở lên	3	368.555.914,23	99,93%
<b>Tổng</b>	<b>20</b>	<b>368.787.914,23</b>	<b>100,00%</b>

**3. Chi phí ngầm và giảm giá**

Để hạn chế vấn đề xung đột về lợi ích và đảm bảo sự chính xác của các khoản mục chi phí của Quỹ, Công ty quy định tất cả các nhân viên của công ty không được phép nhận các khoản giảm giá bằng tiền và không được thực hiện các khoản chi phí ngầm khi thực hiện các giao dịch của Quỹ với các đối tác cung cấp dịch vụ cho Quỹ.

Trong kỳ báo cáo, Quỹ không phát sinh các khoản giảm giá bằng tiền hoặc chi phí ngầm liên quan đến các giao dịch của Quỹ với các đối tác cung cấp dịch vụ cho Quỹ.



## **Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Việt Nam Chọn Lọc** **Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)**

### **V. Thông tin về triển vọng thị trường**

Nền kinh tế Việt Nam đạt mức tăng trưởng 5,2% trong quý 4 và GDP cả năm đạt 2,59%. Động lực chính cho GDP đến từ lĩnh vực sản xuất với mức tăng trưởng 4,1%. Nông nghiệp và dịch vụ tăng với mức khiêm tốn hơn, lần lượt là 2,9% và 1,2% so với năm ngoái. Kết thúc năm 2021, Việt Nam vẫn chưa quay về trạng thái bình thường trước khi đại dịch Covid bùng phát trở lại thể hiện qua sự sụt giảm 3,8% của ngành bán lẻ, du khách nước ngoài qua Việt Nam vẫn còn hạn chế. Tuy nhiên những gì Việt Nam đạt được trong năm 2021 sẽ là nền tảng vững chắc cho một năm 2022 đầy triển vọng. Hoạt động thương mại có cú nước rút ngoạn mục trong quý 4, giúp tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của Việt Nam kết thúc năm ở mức kỷ lục 668,5 tỷ USD, tăng 22,7% so với năm ngoái. Nhập khẩu đạt 332,3 tỷ USD, tương đương với mức tăng 26,6%, xuất khẩu đạt mức tăng thấp hơn do ảnh hưởng của các biện pháp giãn cách với mức tăng 19,1%, tương đương 336,3 tỷ USD. Chính phủ Việt Nam tập trung vào mục tiêu phục hồi kinh tế với gói kích thích kinh tế 350.000 tỷ đồng (4,7% GDP) đã được thông qua vào tháng 1 năm 2022. Mặc dù quy mô gói không lớn như kỳ vọng, tuy nhiên nếu thực hiện một cách hiệu quả, thì tác động của gói hỗ trợ đối với nền kinh tế trong năm tới vẫn rất đáng kể.

### **VI. Thông tin khác**

#### **1. Thông tin về nhân sự điều hành Quỹ, Ban Đại diện Quỹ và Ban điều hành Công ty Quản lý Quỹ**

##### **Nhân sự điều hành của Quỹ gồm có:**

- Bà Lương Thị Mỹ Hạnh, Thạc sỹ Kinh tế. Bà giữ chức vụ Phó tổng giám đốc – Khối đầu tư nghiên cứu Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam từ 2010 đến 12/3/2021 và từ 13/3/2021 đến nay là Giám đốc Quản lý tài sản, khối trong nước Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Dragon Capital Việt Nam.
- Ông Trần Lê Minh, Giám đốc chi nhánh Hà Nội, Thạc sỹ Quản trị Tài chính. Ông giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc – Giám đốc chi nhánh Hà Nội – công ty Cổ phần Quản lý quỹ đầu tư Việt Nam từ 2011 đến 12/3/2021 và từ 13/3/2021 đến nay là Giám đốc chi nhánh Hà Nội - Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Dragon Capital Việt Nam.

##### **Ban Đại diện Quỹ gồm có:**

- Ông Trần Đắc Sinh, Chủ tịch, Tiến sỹ Kinh tế. Ông từng là Vụ trưởng Ủy ban Chứng khoán Nhà nước từ năm 1997 đến năm 1999, Tổng Giám đốc/ Chủ tịch Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh từ năm 1999 đến năm 2016 và hiện là Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ từ năm 2016 đến nay.
- Bà Vương Thị Hoàng Yến, Thành viên, Cử nhân Kế toán – Kiểm toán. Bà từng là Kế toán trưởng Công ty TNHH Minh Thắng từ năm 2004 đến năm 2007, Trưởng phòng kiểm toán Công ty Kiểm toán AS từ năm 2007 đến năm 2012, Giám đốc kiểm toán Công ty Hợp danh Kiểm toán FA từ năm 2012 đến năm 2013, Giám đốc kiểm toán Công ty Kiểm toán Đại Tín từ năm 2013 đến năm 2019 và hiện là Giám đốc nghiệp vụ Công ty TNHH Kiểm toán Chuẩn Vàng từ năm 2019 đến nay.



## **Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Việt Nam Chọn Lọc** **Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)**

- Ông Nguyễn Hoàng Khánh, Thành viên, Cử nhân Luật, Luật sư. Ông từng là luật sư tại chi nhánh công ty luật Allens tại Thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2015 đến năm 2018 và hiện là luật sư tại Văn phòng đại diện Dragon Capital Management (HK) Limited.

### **Ban điều hành Công ty Quản lý Quỹ gồm có:**

- Ông Beat Schurch, Tổng Giám đốc, Thạc sỹ Kinh tế. Ông là Tổng Giám đốc từ ngày 30 tháng 12 năm 2020 đến nay.

## **2. Thông tin khác**

Các số liệu và thông tin liên quan trình bày tại báo cáo này được dựa vào kết quả của báo cáo tài chính năm đã kiểm toán.

Trong báo cáo này, các chỉ tiêu không trình bày được hiểu là không áp dụng hoặc số dư bằng không.

Thay mặt Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Dragon Capital Việt Nam



Beat Schurch  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 4 tháng 3 năm 2022



## BÁO CÁO CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Chúng tôi là Ngân hàng giám sát của Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Việt Nam Chọn lọc (“Quỹ”) cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 31 tháng 12 năm 2021, với sự hiểu biết của chúng tôi thì trong giai đoạn này Quỹ đã hoạt động và được quản lý với các nội dung dưới đây:

- Trong quá trình giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của Quỹ cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 31 tháng 12 năm 2021, Quỹ đã tuân thủ các giới hạn về hạn mức đầu tư được quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về quỹ mở, Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và văn bản pháp luật liên quan.
- Việc định giá, đánh giá tài sản của Quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- Phát hành và mua lại Chứng chỉ Quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan, ngoại trừ việc thanh toán tiền mua lại chứng chỉ Quỹ cho kỳ giao dịch ngày 19 tháng 05 năm 2021 chi tiết như sau:

Theo Điểm c, Khoản 1, Điều 32, Thông tư 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán (“Thông tư 98”) và Chương V, Bản báo bạch Quỹ VFMVSF quy định việc thực hiện lệnh bán chứng chỉ quỹ phải tuân thủ nguyên tắc sau: “Thời hạn thanh toán thực hiện theo quy định tại Điều lệ quỹ và Bản cáo bạch nhưng không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày giao dịch chứng chỉ quỹ.”

Đến hết ngày 26 tháng 05 năm 2021, Công ty Quản lý Quỹ chưa thực hiện thanh toán tiền bán chứng chỉ Quỹ cho Nhà đầu tư đối với kỳ giao dịch ngày 19 tháng 05 năm 2021 theo chi tiết trong báo cáo SR0046 – Danh sách Nhà đầu tư được thanh toán tiền chi tiết theo Đại lý phân phối của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam với tư cách là Đại lý Chuyển nhượng của Quỹ.

Tại ngày 27 tháng 05 năm 2021, Công ty Quản lý Quỹ đã thực hiện thanh toán đầy đủ tiền bán chứng chỉ Quỹ cho Nhà đầu tư đối với kỳ giao dịch ngày 19 tháng 05 năm 2021.

- Trong giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 31 tháng 12 năm 2021, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư.

**ĐẠI DIỆN NGÂN HÀNG GIÁM SÁT**

TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN  
 MỘT THÀNH VIÊN  
 STANDARD CHARTERED  
 (VIỆT NAM)

**Bùi Thị Huyền Trang**

**Phó phòng Dịch vụ Quản trị và Giám sát Quỹ**

**NHÂN VIÊN GIÁM SÁT**

**Trương Thị Hoàng Yến**

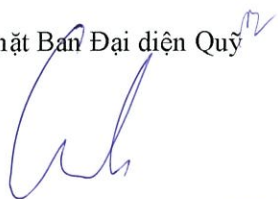
**Nhân viên bộ phận Giám sát**

**Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Việt Nam**  
**Báo cáo của Ban Đại diện Quỹ**

**BÁO CÁO CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ**

Tôi, Trần Đắc Sinh, Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ và thay mặt cho Nhà đầu tư của Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Việt Nam Chọn Lọc (“Quỹ”), phê duyệt báo cáo tài chính đính kèm của Quỹ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021, được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở, các quy định có liên quan của Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Đại diện Quỹ



---

Ông Trần Đắc Sinh  
Chủ tịch

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 4 tháng 3 năm 2022



KPMG Limited Branch  
10<sup>th</sup> Floor, Sun Wah Tower  
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward  
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam  
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

### **Kính gửi các Nhà đầu tư Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Việt Nam Chọn Lọc**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Việt Nam Chọn Lọc (“Quỹ”), bao gồm báo cáo tình hình tài chính và báo cáo danh mục đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, báo cáo thu nhập, báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng và giao dịch chứng chỉ quỹ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt phát hành ngày 4 tháng 3 năm 2022, được trình bày từ trang 14 đến trang 57.

### **Trách nhiệm của Công ty Quản lý Quỹ**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu Tư Dragon Capital Việt Nam (“Công ty Quản lý Quỹ”) chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 (“Thông tư 198”) do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở, các quy định có liên quan của Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 (“Thông tư 98”) do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty Quản lý Quỹ liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về tính hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty Quản lý Quỹ. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.





### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Quỹ Đầu tư Cổ Phiếu Việt Nam Chọn Lọc tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, báo cáo thu nhập, báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng và giao dịch chứng chỉ quỹ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ của Quỹ Đầu tư Cổ Phiếu Việt Nam Chọn Lọc cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở, các quy định có liên quan của Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Vấn đề khác

Các báo cáo tài chính của Quỹ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với các báo cáo tài chính đó trong báo cáo kiểm toán ngày 12 tháng 3 năm 2021.

### Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam

Báo cáo Kiểm toán số: 21-01-00351-22-1



Nelson Rodriguez Casihan  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 2225-2018-007-1  
Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Thu Hà  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 2236-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 4 tháng 3 năm 2022

**Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Việt Nam Chọn Lọc**  
**Báo cáo thu nhập cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**

**Mẫu B01 – QM**  
*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC  
 ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)*

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	2021 VND	2020 VND
<b>I</b>	<b>THU NHẬP, DOANH THU HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>	<b>01</b>		<b>1.693.441.453.917</b>	<b>660.465.211.915</b>
1.1	Cổ tức được chia	02	14	26.784.151.664	14.309.732.534
1.2	Tiền lãi được nhận	03	15	437.440.868	273.416.431
1.3	Lãi từ bán các khoản đầu tư	04	16	1.352.762.056.968	144.403.276.540
1.4	Chênh lệch tăng đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	05	17	313.457.804.417	501.478.786.410
<b>II</b>	<b>CHI PHÍ ĐẦU TƯ</b>	<b>10</b>		<b>20.667.876.265</b>	<b>5.821.312.713</b>
2.1	Chi phí giao dịch mua, bán các khoản đầu tư	11	18	20.667.876.265	5.811.505.250
2.2	Chi phí đầu tư khác	15		-	9.807.463
<b>III</b>	<b>CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG QUỸ MỞ</b>	<b>20</b>		<b>37.304.899.475</b>	<b>8.983.928.736</b>
3.1	Phí quản lý Quỹ	20.1	22	32.598.976.229	6.792.246.698
3.2	Phí dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ	20.2	19	1.730.310.225	643.397.349
3.3	Phí dịch vụ giám sát Quỹ	20.3	22	956.236.636	315.547.349
3.4	Phí dịch vụ quản trị Quỹ	20.4	22	1.472.328.164	706.738.698
3.5	Phí dịch vụ Đại lý chuyên nhượng	20.5		132.000.000	132.000.000
3.8	Chi phí kiểm toán	20.8		145.658.708	102.487.000
3.10	Chi phí hoạt động khác	20.10	20	269.389.513	291.511.642
<b>IV</b>	<b>KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ (23 = 01 - 10 - 20)</b>	<b>23</b>		<b>1.635.468.678.177</b>	<b>645.659.970.466</b>
<b>VI</b>	<b>TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ (30 = 23)</b>	<b>30</b>		<b>1.635.468.678.177</b>	<b>645.659.970.466</b>
6.1	Lợi nhuận đã thực hiện	31	13	1.322.010.873.760	144.181.184.056
6.2	Lợi nhuận chưa thực hiện	32	13	313.457.804.417	501.478.786.410
<b>VIII</b>	<b>LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TRONG NĂM (41 = 30)</b>	<b>41</b>		<b>1.635.468.678.177</b>	<b>645.659.970.466</b>

Ngày 4 tháng 3 năm 2022

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu Tư Dragon Capital Việt Nam

Người lập:



Bà Phạm Thị Như Thảo  
 Kế toán quỹ

Người soát xét:



Ông Phạm Thanh Dũng  
 Kế toán trưởng

Người duyệt:



Ông Beat Schurch  
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

**Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Việt Nam Chọn Lọc**  
**Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2021**

**Mẫu B02 – QM**  
*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC  
ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)*

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	31/12/2020 VND
<b>I</b>	<b>TÀI SẢN</b>				
<b>1</b>	<b>Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>29.121.896.968</b>	<b>186.862.518.769</b>
1.1	Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ	111		29.121.896.968	186.862.518.769
<b>2</b>	<b>Các khoản đầu tư</b>	<b>120</b>		<b>5.361.643.307.800</b>	<b>2.450.750.194.400</b>
2.1	Các khoản đầu tư	121	6	5.361.643.307.800	2.450.750.194.400
<b>3</b>	<b>Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>		<b>30.883.539.000</b>	<b>780.960.000</b>
3.1	Phải thu về bán các khoản đầu tư	131	7	26.908.045.000	-
3.2	Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư	133	8	3.975.494.000	780.960.000
3.2.2	<i>Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận</i>	<i>136</i>		<i>3.975.494.000</i>	<i>780.960.000</i>
	<b>TỔNG TÀI SẢN</b> <b>(100 = 110 + 120 + 130)</b>	<b>100</b>		<b>5.421.648.743.768</b>	<b>2.638.393.673.169</b>
<b>II</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>				
1	Phải trả về mua các khoản đầu tư	331	9	16.544.600.000	-
3	Phải trả phí cho Công ty Quản lý quỹ về mua bán Chứng chỉ quỹ	313		-	150.000.000
4	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314		115.407	181.142
6	Chi phí phải trả	316	10	204.178.968	85.100.000
9	Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ	319	11	3.768.152.990	1.926.005.606
	<b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ</b> <b>(300 = 331 + 313 + 314 + 316 + 319)</b>	<b>300</b>		<b>20.517.047.365</b>	<b>2.161.286.748</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này



**Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Việt Nam Chọn Lọc**  
**Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B02 – QM**  
*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)*

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	31/12/2020 VND
<b>III</b>	<b>GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CÓ THỂ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ NĂM GIỮ CHỨNG CHỈ QUỸ (400 = 100 - 300)</b>	<b>400</b>		<b>5.401.131.696.403</b>	<b>2.636.232.386.421</b>
<b>1</b>	<b>Vốn góp của Nhà đầu tư</b>	<b>411</b>	<b>12</b>	<b>3.687.879.142.300</b>	<b>2.760.791.865.300</b>
1.1	Vốn góp phát hành	412		3.745.437.743.300	2.802.345.466.300
1.2	Vốn góp mua lại	413		(57.558.601.000)	(41.553.601.000)
<b>2</b>	<b>Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư</b>	<b>414</b>	<b>12</b>	<b>(554.538.857.911)</b>	<b>(756.882.212.716)</b>
<b>3</b>	<b>Lợi nhuận chưa phân phối</b>	<b>420</b>	<b>13</b>	<b>2.267.791.412.014</b>	<b>632.322.733.837</b>
<b>IV</b>	<b>GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG QUỸ MỞ TRÊN 1 ĐƠN VỊ CHỨNG CHỈ QUỸ (430 = 400/004)</b>	<b>430</b>	<b>12</b>	<b>14.645,63</b>	<b>9.548,82</b>
<b>VI</b>	<b>CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH</b>			<b>31/12/2021 CCQ</b>	<b>31/12/2020 CCQ</b>
<b>1</b>	<b>Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành</b>	<b>004</b>	<b>12</b>	<b>368.787.914,23</b>	<b>276.079.186,53</b>

Ngày 4 tháng 3 năm 2022

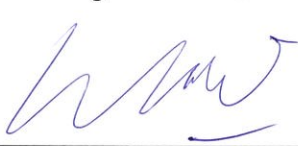
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu Tư Dragon Capital Việt Nam

Người lập:



Bà Phạm Thị Như Thảo  
Kế toán quỹ

Người soát xét:



Ông Phạm Thanh Dũng  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Ông Beat Schurch  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

**Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Việt Nam Chọn Lọc****Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng và giao dịch chứng chỉ quỹ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021****Mẫu B03 – QM***(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)*

STT	Chỉ tiêu	2021 VND	2020 VND
<b>I</b>	<b>Giá trị tài sản ròng của Quỹ (“NAV”) đầu năm</b>	<b>2.636.232.386.421</b>	<b>51.506.838.771</b>
<b>II</b>	<b>Thay đổi NAV của Quỹ trong năm</b>	<b>1.635.468.678.177</b>	<b>645.659.970.466</b>
	<i>Trong đó:</i>		
II.1	Thay đổi NAV của Quỹ do biến động thị trường và hoạt động giao dịch của Quỹ trong năm	1.635.468.678.177	645.659.970.466
<b>III</b>	<b>Thay đổi NAV do mua lại, phát hành thêm chứng chỉ quỹ</b>	<b>1.129.430.631.805</b>	<b>1.939.065.577.184</b>
	<i>Trong đó:</i>		
III.1	Khoản thu từ việc phát hành bổ sung chứng chỉ quỹ	1.149.783.000.000	1.943.744.000.000
III.2	Khoản thanh toán từ việc mua lại chứng chỉ quỹ	(20.352.368.195)	(4.678.422.816)
<b>IV</b>	<b>Giá trị tài sản ròng của Quỹ cuối năm (IV = I + II + III)</b>	<b>5.401.131.696.403</b>	<b>2.636.232.386.421</b>

Ngày 4 tháng 3 năm 2022

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu Tư Dragon Capital Việt Nam

Người lập:

Bà Phạm Thị Như Thảo  
Kế toán quỹ

Người soát xét:

Ông Phạm Thanh Dũng  
Kế toán trưởng

Người duyệt:

Ông Beat Schurch  
Tổng Giám đốc*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này*

**Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Việt Nam Chọn Lọc**  
**Báo cáo danh mục đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2021**

**Mẫu B04 – QM**  
*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC  
ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)*

STT	Loại tài sản	Số lượng	Giá thị trường hoặc giá trị hợp lý tại ngày 31/12/2021 VND/cổ phiếu	Tổng giá trị tại ngày 31/12/2021 VND	Tỷ lệ %/ Tổng giá trị tài sản của Quỹ
<b>I</b>	<b>Cổ phiếu niêm yết</b>			<b>5.361.643.307.800</b>	<b>98,89%</b>
1	ACB	5.259.778	34.500	181.462.341.000	3,35%
2	AGG	1.687.100	52.000	87.729.200.000	1,62%
3	BID	3.881.514	37.100	144.004.169.400	2,66%
4	DXG	6.369.161	35.000	222.920.635.000	4,11%
5	FPT	2.529.162	93.000	235.212.066.000	4,34%
6	HPG	4.997.162	46.400	231.868.316.800	4,28%
7	KBC	3.290.000	60.800	200.032.000.000	3,69%
8	MBB	8.815.032	28.900	254.754.424.800	4,70%
9	MWG	6.777.500	135.900	921.062.250.000	16,99%
10	NVL	796.663	91.000	72.496.333.000	1,34%
11	PNJ	1.936.670	96.200	186.307.654.000	3,44%
12	SSI	3.060.999	51.800	158.559.748.200	2,92%
13	STB	7.244.500	31.500	228.201.750.000	4,21%
14	TCB	11.429.270	50.000	571.463.500.000	10,54%
15	TCH	4.750.000	27.450	130.387.500.000	2,40%
16	VCB	2.177.626	78.800	171.596.928.800	3,17%
17	VHC	2.215.200	62.800	139.114.560.000	2,57%
18	VHM	2.523.620	82.000	206.936.840.000	3,82%
19	VIC	1.175.900	95.100	111.828.090.000	2,06%
20	VND	2.129.200	82.000	174.594.400.000	3,22%
21	VPB	15.135.911	35.800	541.865.613.800	9,99%
22	VRE	4.886.770	30.100	147.091.777.000	2,71%
23	VTP	564.300	74.700	42.153.210.000	0,78%

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này*

**Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Việt Nam Chọn Lọc**  
**Báo cáo danh mục đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B04 – QM**  
*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)*

STT	Loại tài sản	Tổng giá trị tại ngày 31/12/2021 VND	Tỷ lệ %/ Tổng giá trị tài sản của Quỹ
<b>V</b>	<b>Các tài sản khác</b>	<b>30.883.539.000</b>	<b>0,57%</b>
1	Tiền lãi và cổ tức phải thu	3.975.494.000	0,07%
2	Phải thu bán các khoản đầu tư	26.908.045.000	0,50%
<b>VI</b>	<b>Tiền gửi ngân hàng</b>	<b>29.121.896.968</b>	<b>0,54%</b>
1	Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ	29.121.896.968	0,54%
<b>VII</b>	<b>Tổng giá trị danh mục</b>	<b>5.421.648.743.768</b>	<b>100,00%</b>

Ngày 4 tháng 3 năm 2022

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu Tư Dragon Capital Việt Nam

Người lập:



Bà Phạm Thị Như Thảo  
Kế toán quỹ

Người soát xét:



Ông Phạm Thanh Dũng  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Ông Beat Schurch  
Tổng Giám đốc

**Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Việt Nam Chọn Lọc**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(Phương pháp gián tiếp)**

**Mẫu B05 – QM**  
*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)*

STT	Chi tiêu	Mã số	2021 VND	2020 VND
<b>I</b>	<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1	Lợi nhuận trước thuế	01	1.635.468.678.177	645.659.970.466
2	Các khoản điều chỉnh	02	(313.403.904.417)	(501.478.786.410)
	Chênh lệch tăng thuần do đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	03	(313.457.804.417)	(501.478.786.410)
	Tăng chi phí trích trước	04	53.900.000	-
3	Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư trước thay đổi vốn lưu động	05	1.322.064.773.760	144.181.184.056
	Tăng các khoản đầu tư	20	(2.597.435.308.983)	(1.899.524.967.990)
	Tăng phải thu bán các khoản đầu tư	06	(26.908.045.000)	-
	Tăng tiền lãi và cổ tức phải thu	07	(3.194.534.000)	(658.654.000)
	Tăng phải trả mua các khoản đầu tư	10	16.544.600.000	-
	Giảm/(tăng) phải trả các Đại lý phân phối Chứng chỉ quỹ	11	(150.000.000)	150.000.000
	(Giảm)/tăng thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	(65.735)	181.142
	Tăng chi phí phải trả, phải nộp khác	16	65.178.968	2.400.000
	Tăng phải trả dịch vụ quản lý Quỹ mở	17	1.842.147.384	1.816.893.915
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	19	<b>(1.287.171.253.606)</b>	<b>(1.754.032.962.877)</b>
<b>II</b>	<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1	Tiền thu từ phát hành chứng chỉ quỹ	31	1.149.783.000.000	1.943.744.000.000
2	Tiền chi mua lại chứng chỉ quỹ	32	(20.352.368.195)	(4.678.422.816)
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	30	<b>1.129.430.631.805</b>	<b>1.939.065.577.184</b>
<b>III</b>	<b>(GIẢM)/TĂNG TIỀN THUẦN TRONG NĂM (40 = 19 + 30)</b>	40	<b>(157.740.621.801)</b>	<b>185.032.614.307</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này



**Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Việt Nam Chọn Lọc**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

**Mẫu B05 – QM**  
*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)*

STT	Chi tiêu	Mã số	2021 VND	2020 VND
IV	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	<b>50</b>	<b>186.862.518.769</b>	<b>1.829.904.462</b>
	- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ	52	186.862.518.769	1.829.904.462
V	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm</b>	<b>55</b>	<b>29.121.896.968</b>	<b>186.862.518.769</b>
	- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ	57	29.121.896.968	186.862.518.769
VI	<b>Chênh lệch tiền và các khoản tương đương tiền trong năm (60 = 55 - 50)</b>	<b>60</b>	<b>(157.740.621.801)</b>	<b>185.032.614.307</b>

Ngày 4 tháng 3 năm 2022

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu Tư Dragon Capital Việt Nam

Người lập:



Bà Phạm Thị Như Thảo  
Kế toán quỹ

Người soát xét:



Ông Phạm Thanh Dũng  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Ông Beat Schurch  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

**Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Việt Nam Chọn Lọc**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**

**Mẫu B06 – QM**  
(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC  
ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

**1. Thông tin về Quỹ**

**(a) Thông tin chung**

Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Việt Nam Chọn Lọc (tên trước đây là Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Việt Nam) (“Quỹ”) được thành lập dưới hình thức quỹ đại chúng dạng mở theo Giấy Chứng nhận Đăng ký thành lập Quỹ đầu tư đại chúng số 31/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (“UBCKNN”) cấp ngày 2 tháng 3 năm 2018 .

Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Thành lập này, tổng số vốn điều lệ của Quỹ là 70.798.450.000 Đồng Việt Nam tương đương với 7.079.845 chứng chỉ quỹ. Quỹ hoạt động theo Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Quỹ ban hành lần đầu ngày 2 tháng 3 năm 2018, và được sửa đổi, bổ sung nhiều lần, lần gần nhất vào ngày 1 tháng 4 năm 2021.

Chứng chỉ quỹ được chào bán chứng chỉ quỹ ra công chúng lần đầu theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Chào bán chứng chỉ quỹ ra công chúng số 91/GCN-UBCK do UBCKNN cấp ngày 29 tháng 12 năm 2017. Theo quy định của giấy phép này, Quỹ được phép phát hành tối thiểu 5.000.000 chứng chỉ quỹ ra công chúng với mệnh giá là 10.000 Đồng Việt Nam/chứng chỉ quỹ.

Quỹ đổi tên thành “Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Việt Nam Chọn Lọc” theo Nghị quyết Đại hội nhà đầu tư bất thường ngày 19 tháng 9 năm 2019 và Giấy Chứng nhận Đăng ký thành lập Quỹ đầu tư đại chúng số 05/GCN-UBCK do UBCKNN cấp ngày 2 tháng 12 năm 2019.

Quỹ không có nhân viên và do Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Dragon Capital Việt Nam (trước đây là Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam) (“Công ty Quản lý Quỹ”) quản lý. Từ ngày 2 tháng 3 năm 2018, Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered (Việt Nam) được chỉ định là ngân hàng giám sát và lưu ký của Quỹ.

Địa chỉ liên hệ của Quỹ là Lầu 15, Tòa nhà Mê Linh Point, Số 2 Ngõ Đức Kế, Quận 1, Phường Bến Nghé, Thành phố Hồ Chí Minh.

**(b) Đặc điểm chính về hoạt động của Quỹ**

***Mục tiêu đầu tư và hạn chế đầu tư***

Mục tiêu của Quỹ là tìm kiếm sự tăng trưởng về vốn và thu nhập từ cổ tức trong dài hạn. Quỹ sẽ đầu tư chủ yếu vào cổ phiếu của các công ty hiện đang niêm yết và đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán Việt Nam có nền tảng cơ bản tốt và kỳ vọng tăng trưởng bền vững. Danh mục đầu tư của Quỹ và các hạn chế đầu tư phải phù hợp với mục tiêu và chính sách đầu tư đã được quy định rõ trong Điều lệ hoạt động của Quỹ và Bản cáo bạch.

## **Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Việt Nam Chọn Lọc**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B06 – QM**

*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)*

### ***Kỳ tính giá trị tài sản ròng (“NAV”)***

NAV của Quỹ được xác định hàng tuần và hàng tháng. Đối với kỳ định giá hàng tuần, ngày định giá là ngày thứ Tư hàng tuần và là ngày làm việc. Trường hợp ngày định giá rơi vào ngày nghỉ lễ thì ngày định giá sẽ là ngày làm việc liền trước ngày nghỉ lễ đó.

Đối với kỳ định giá hàng tháng, ngày định giá là ngày đầu tiên của tháng tiếp theo, và không thay đổi kể cả trường hợp ngày định giá rơi vào ngày nghỉ hoặc ngày lễ. Trường hợp Công ty Quản lý Quỹ tăng tần suất giao dịch (nếu có) thì các kỳ tính NAV của Quỹ sẽ tăng tương ứng.

### ***Phương pháp xác định NAV của Quỹ***

NAV của Quỹ là tổng giá trị các tài sản do Quỹ sở hữu trừ đi các nghĩa vụ nợ có liên quan tại ngày trước ngày định giá. Tổng giá trị tài sản của Quỹ được xác định theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý của tài sản.

Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ được tính bằng cách chia tổng giá trị tài sản ròng của Quỹ cho số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá.

Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ là số lẻ ở dạng thập phân, lấy đến hai (02) số thập phân sau dấu phẩy.

### ***Tần suất giao dịch chứng chỉ quỹ***

Ngày giao dịch chứng chỉ quỹ là ngày định giá. Việc tăng tần suất giao dịch sẽ được Công ty Quản lý Quỹ thông báo trên trang thông tin điện tử của Quỹ và được cập nhật tại Đại hội nhà đầu tư gần nhất. Việc giảm tần suất giao dịch sẽ được Đại hội nhà đầu tư thông qua và luôn đảm bảo tần suất giao dịch không thấp hơn tần suất giao dịch tối thiểu theo quy định pháp luật.

### ***Phân phối thu nhập của Quỹ***

Quỹ không phân phối lợi nhuận (bao gồm nhưng không giới hạn bởi cổ tức bằng tiền, bằng cổ phiếu hoặc bằng tài sản). Toàn bộ lợi nhuận của Quỹ phát sinh trong quá trình hoạt động sẽ được tích lũy làm gia tăng giá trị tài sản ròng của Quỹ.

20,  
NI  
TN  
G  
CHI



## **Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Việt Nam Chọn Lọc**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B06 – QM**

*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)*

## **2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

### **(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 (“Thông tư 198”) do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở, các quy định có liên quan của Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 (“Thông tư 98”) do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính đính kèm được lập không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động và lưu chuyển tiền tệ của Quỹ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các quốc gia và vùng lãnh thổ ngoài Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

Theo Thông tư số 198, báo cáo tài chính của Quỹ bao gồm:

- |   |               |
|---|---------------|
| ▪ Báo cáo thu nhập:   | Mẫu B01 - QM; |
| ▪ Báo cáo tình hình tài chính:                                      | Mẫu B02 - QM; |
| ▪ Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng và giao dịch chứng chỉ quỹ: | Mẫu B03 - QM; |
| ▪ Báo cáo danh mục đầu tư:  | Mẫu B04 - QM; |
| ▪ Báo cáo lưu chuyển tiền tệ:                                       | Mẫu B05 - QM; |
| ▪ Các thuyết minh báo cáo tài chính:                                | Mẫu B06 - QM. |

### **(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính của Quỹ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ và những khoản mục được trình bày tại Thuyết minh 4(c) được đo lường theo giá thị trường hay giá trị hợp lý, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

### **(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Quỹ là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

### **(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Quỹ là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

### **(e) Hình thức sổ kế toán**

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Quỹ là Nhật ký chung.



**Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Việt Nam Chọn Lọc**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B06 – QM**  
(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC  
ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)

### **3. Thay đổi về chính sách kế toán**

#### ***Áp dụng Thông tư số 98/2020/TT-BTC***

Ngày 16 tháng 11 năm 2020, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 98/2020/TT-BTC (“Thông tư 98”) về hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2021. Thông tư 98 thay thế Thông tư số 183/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2011 (“Thông tư 183”) do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ mở và Thông tư số 15/2016/TT-BTC ngày 20 tháng 1 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 183.

Quỹ đã áp dụng phi hồi tố các quy định có liên quan của Thông tư 98 từ ngày 1 tháng 1 năm 2021 và việc áp dụng các quy định có liên quan của Thông tư 98 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Quỹ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

### **4. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Quỹ áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

#### **(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyên khoản của ngân hàng thương mại nơi Quỹ thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo thu nhập của Quỹ.

#### **(b) Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền**

Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi không kỳ hạn và tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá ba (03) tháng kể từ ngày giao dịch. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, và không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

**Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Việt Nam Chọn Lọc**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B06 – QM**

*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC  
ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)*

**(c) Các khoản đầu tư**

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, chỉ bao gồm giá mua mà không bao gồm các khoản chi phí liên quan đến việc mua các khoản đầu tư đó như phí môi giới, phí giao dịch và phí ngân hàng v.v. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư chứng khoán được đánh giá lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán theo phương pháp xác định giá trị được nêu tại Thuyết minh 4(c)(iii). Các khoản lãi hoặc lỗ do đánh giá lại các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận vào báo cáo thu nhập trong kỳ.

**(i) Phân loại**

Quỹ phân loại các chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết được mua với mục đích kinh doanh là chứng khoán kinh doanh.

**(ii) Ghi nhận ban đầu**

Quỹ ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán tại ngày giao dịch.

**(iii) Xác định giá trị**

Theo quy định của Thông tư 98, các khoản đầu tư thuộc danh mục đầu tư của Quỹ được đánh giá lại theo giá thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Trong trường hợp không có giá thị trường tại ngày giao dịch gần nhất hoặc giá thị trường có nhiều biến động đáng kể, giá trị hợp lý được sử dụng để đánh giá lại các khoản đầu tư của Quỹ. Giá trị hợp lý được xác định theo nguyên tắc, phương pháp hoặc mô hình lý thuyết định giá tài sản tài chính đã được quy định tại Điều lệ Quỹ, hoặc Sổ tay Định giá của Quỹ. Việc xác định giá trị của các tài sản của Quỹ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được thực hiện theo các phương pháp xác định giá trị như sau:

**Trái phiếu**

▪ Trái phiếu niêm yết

- Giá thị trường là giá yết (giá sạch) cuối ngày (hoặc tên gọi khác theo Quy chế của Sở giao dịch chứng khoán) trên hệ thống giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán cho các giao dịch mua bán thông thường (outright) tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá cộng lãi lũy kế (nếu giá yết chưa bao gồm lãi lũy kế).
- Trong trường hợp tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá có nhiều hơn một giao dịch của trái phiếu cần định giá (dẫn đến có nhiều giá yết), giá sử dụng để định giá là bình quân gia quyền của các giá yết đã thực hiện trong ngày đó (giá yết bình quân gia quyền);

## **Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Việt Nam Chọn Lọc**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B06 – QM**

*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)*

- Trường hợp không có giao dịch trên hệ thống giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán trong nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá hoặc chỉ có các giao dịch trên hệ thống giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán với giá có biến động lớn theo quy định tại Sổ tay Định giá đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận bằng văn bản, ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống một trong các mức giá sau:
  - Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc
  - Mệnh giá cộng lãi lũy kế.
- Trái phiếu chưa niêm yết
  - Giá thị trường là giá trung bình các giao dịch thực hiện thành công tại các ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá dựa trên báo giá của tối thiểu ba (03) tổ chức báo giá không phải là người có liên quan và được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá.
  - Trường hợp không có đủ báo giá của tối thiểu ba (03) tổ chức báo giá, ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống sử dụng một trong các mức giá sau:
    - Giá trung bình của hai (02) tổ chức báo giá;
    - Giá mua cộng lãi lũy kế.
- Chứng quyền gắn liền với trái phiếu chuyển đổi
  - Chứng quyền gắn liền với trái phiếu chuyển đổi được định giá theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận theo từng trường hợp cụ thể.
- Trái phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản
  - Các trái phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản được định giá theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận theo từng trường hợp cụ thể.

### ***Cổ phiếu***

- Cổ phiếu niêm yết bao gồm cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và cổ phiếu của công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán công ty đại chúng chưa được niêm yết (“UPCoM”).
  - Giá thị trường được xác định là giá đóng cửa của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá.
  - Các cổ phiếu không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá được đánh giá lại theo thứ tự ưu tiên như sau:
    - Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất của cổ phiếu đó trong vòng mười hai (12) tháng trước ngày định giá; hoặc
    - Giá mua; hoặc
    - Giá trị sổ sách; hoặc
    - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.
- Trong thời gian chứng khoán đang làm thủ tục chuyển sàn thì dùng giá đóng cửa cuối cùng của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá.

## **Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Việt Nam Chọn Lọc**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B06 – QM**

(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC  
ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)

- Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch  
Ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống một trong các mức giá sau:
  - Giá trị sổ sách; hoặc
  - Mệnh giá; hoặc
  - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.
- Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản  
Ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống một trong các mức giá sau:
  - 80% giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất trước ngày định giá; hoặc
  - Giá xác định theo phương pháp được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận theo từng trường hợp cụ thể.

#### ***Quyền mua cổ phiếu***

Giá trị của quyền mua cổ phiếu được xác định bằng hiệu số của giá thị trường của cổ phiếu tại ngày báo cáo và số tiền thực trả để thực hiện quyền mua vào ngày thông báo thực hiện quyền mua, nhân với tỷ lệ cần có để mua một cổ phần mới. Giá trị của quyền mua cổ phiếu bằng không (0) khi giá thị trường của cổ phiếu tại ngày báo cáo thấp hơn số tiền thực trả để thực hiện quyền mua vào ngày thông báo thực hiện quyền mua.

#### **(iv) Dừng ghi nhận**

Các khoản đầu tư được dừng ghi nhận khi quyền được nhận dòng tiền từ khoản đầu tư đó đã chấm dứt hoặc Quỹ đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu các khoản đầu tư đó.

Giá vốn của chứng khoán kinh doanh được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

#### **(d) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu bao gồm các khoản phải thu về bán các khoản đầu tư, phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư, lãi tiền gửi ngân hàng, lãi chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng và các khoản phải thu khác. Các khoản phải thu được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất ước tính có thể xảy ra. Các khoản nợ phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ sau khi được Đại hội Nhà đầu tư thông qua.

Dự phòng phát sinh trong kỳ liên quan đến phải thu bán chứng khoán được hạch toán vào chi phí trong báo cáo thu nhập.

Dự phòng phát sinh trong kỳ liên quan đến cổ tức, lãi trái phiếu, lãi tiền gửi ngân hàng và các khoản phải thu khác được hạch toán giảm thu nhập trong báo cáo thu nhập.



**Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Việt Nam Chọn Lọc**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B06 – QM**  
(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC  
ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)

**(e) Các khoản phải trả**

Các khoản phải trả bao gồm phải trả về mua lại chứng chỉ quỹ, phải trả cho hoạt động kinh doanh chứng khoán, phải trả thù lao Ban Đại diện Quỹ, phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng giám sát và các khoản phải trả khác. Các khoản phải trả được thể hiện theo giá gốc.

**(f) Dự phòng**

Dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Quỹ có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các nghĩa vụ về khoản nợ phải trả đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến có thể phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá hiện tại của thị trường về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

**(g) Phân loại các công cụ tài chính**

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Quỹ và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Quỹ phân loại các công cụ tài chính của Quỹ như sau:

**(i) Tài sản tài chính**

*Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo thu nhập*

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo thu nhập là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Quỹ phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
  - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
  - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Quỹ xếp tài sản tài chính vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo thu nhập.

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Quỹ có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Quỹ xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo thu nhập;
- các tài sản tài chính đã được Quỹ xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

## Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Việt Nam Chọn Lọc

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B06 – QM

(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC  
ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)

### *Các khoản cho vay và phải thu*

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Quỹ có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Quỹ xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo thu nhập;
- các khoản được Quỹ xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà Quỹ nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

### *Tài sản tài chính sẵn sàng để bán*

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo thu nhập;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và phải thu.

## **(i) Nợ phải trả tài chính**

### *Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo thu nhập*

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo thu nhập là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Quỹ phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu:
  - được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
  - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Quỹ xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo thu nhập.

### *Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ*

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo thu nhập sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

## **Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Việt Nam Chọn Lọc**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B06 – QM**

*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)*

### **(h) Thuế**

#### ***Giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ***

Công ty Quản lý Quỹ có nghĩa vụ khấu trừ, kê khai và nộp thuế đối với giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ cá nhân (trong nước và nước ngoài) và giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ tổ chức nước ngoài theo quy định của pháp luật. Mức thuế áp dụng là 0,1% trên giá trị chuyển nhượng theo Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013 được sửa đổi và bổ sung bởi Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2015, Thông tư 25/2018/TT-BTC ngày 16 tháng 3 năm 2018 và Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 8 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành. Đối với nhà đầu tư là tổ chức trong nước, Công ty Quản lý Quỹ sẽ không giữ lại khoản thuế này và đối tượng này phải có trách nhiệm tự kê khai và nộp thuế cho Nhà nước theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 được sửa đổi và bổ sung bởi Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 do Bộ Tài chính ban hành.

### **(i) Vốn góp và thặng dư vốn**

#### ***Vốn góp của nhà đầu tư***

Các chứng chỉ quỹ với quyền hưởng cổ tức được phân loại là vốn góp của nhà đầu tư, trong đó bao gồm vốn góp phát hành và vốn góp mua lại.

#### ***Vốn góp phát hành***

Vốn góp phát hành phản ánh theo mệnh giá của chứng chỉ quỹ do các nhà đầu tư góp vốn vào Quỹ theo phương thức mua chứng chỉ quỹ trong lần phát hành lần đầu ra công chúng và các lần giao dịch chứng chỉ quỹ tiếp theo sau khi Quỹ thành lập hoặc theo phương thức chuyển đổi chứng chỉ quỹ của các quỹ mở khác thuộc sự quản lý của Công ty Quản lý Quỹ với chứng chỉ quỹ của Quỹ.

Vốn góp phát hành được ghi nhận tại ngày làm việc thứ nhất kể từ ngày xác nhận hoàn tất giao dịch.

#### ***Vốn góp mua lại***

Vốn góp mua lại phản ánh theo mệnh giá của chứng chỉ quỹ đã được mua lại bởi các Nhà đầu tư tại các kỳ giao dịch chứng chỉ quỹ sau khi Quỹ thành lập hoặc theo phương thức chuyển đổi chứng chỉ quỹ của Quỹ với chứng chỉ quỹ của các quỹ mở khác thuộc sự quản lý của Công ty Quản lý Quỹ.

Vốn góp mua lại được ghi nhận tại ngày làm việc thứ nhất kể từ ngày xác nhận hoàn tất giao dịch.

#### ***Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư***

Thặng dư vốn góp phản ánh chênh lệch giữa giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ và mệnh giá của chứng chỉ quỹ được phát hành/mua lại và được ghi nhận cùng thời điểm với ghi nhận vốn góp phát hành/vốn góp mua lại.



## **Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Việt Nam Chọn Lọc**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B06 – QM**

*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)*

### **(j) Lợi nhuận chưa phân phối**

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh lợi nhuận chưa phân phối tại thời điểm báo cáo, bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện.

Lợi nhuận/(lỗ) đã thực hiện là khoản chênh lệch giữa tổng thu nhập, doanh thu hoạt động đầu tư và tổng chi phí của Quỹ phát sinh trong kỳ (không bao gồm chênh lệch tăng/(giảm) đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện).

Lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện là tổng giá trị lãi/(lỗ) đánh giá lại của các khoản đầu tư thuộc danh mục đầu tư của Quỹ phát sinh trong kỳ.

Cuối kỳ kế toán, Quỹ xác định lợi nhuận/(lỗ) đã thực hiện và lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện trong kỳ và ghi nhận vào “Lợi nhuận/(lỗ) chưa phân phối” trên báo cáo tình hình tài chính.

### **(k) Chứng chỉ quỹ và Giá trị tài sản ròng có thể phân phối cho Nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ**

Chứng chỉ quỹ có thể được Nhà đầu tư bán lại cho Quỹ vào các ngày giao dịch để đổi lại một lượng tiền tương ứng dựa trên giá trị tài sản ròng có thể phân phối cho nhà đầu tư đang nắm giữ chứng chỉ quỹ tại ngày trước ngày giao dịch.

Quỹ phát hành và mua lại chứng chỉ quỹ tại các ngày giao dịch được công bố dựa trên giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ. Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ được tính bằng cách chia giá trị tài sản ròng của Quỹ cho tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành tại ngày trước ngày giao dịch.

Tất cả các chứng chỉ quỹ phát hành cho Nhà đầu tư đều có quyền biểu quyết, quyền hưởng cổ tức, quyền được bán lại và các quyền khác như nhau. Mỗi chứng chỉ quỹ đã phát hành tương ứng với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp thường niên của Quỹ và có quyền được hưởng cổ tức mà Quỹ công bố vào từng thời điểm.

Giá trị tài sản ròng trên mỗi chứng chỉ quỹ được tính bằng cách chia Giá trị tài sản ròng của Quỹ cho số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Giá trị tài sản ròng của Quỹ được xác định bằng cách lấy tổng tài sản trừ đi tổng nợ phải trả.

### **(l) Doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Quỹ có khả năng tương đối chắc chắn nhận được các lợi ích kinh tế và các khoản doanh thu này có thể xác định được một cách đáng tin cậy.

### **(i) Thu nhập lãi tiền gửi, lãi trái phiếu và cổ tức**

Thu nhập lãi tiền gửi và lãi trái phiếu được ghi nhận trong báo cáo thu nhập trên cơ sở dồn tích trừ khi khả năng thu hồi không chắc chắn.

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức của Quỹ được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là thu nhập.



## **Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Việt Nam Chọn Lọc**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B06 – QM**

*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC  
ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)*

### **(ii) Thu nhập từ hoạt động đầu tư chứng khoán**

Thu nhập từ hoạt động đầu tư chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo thu nhập khi Quỹ nhận được Thông báo kết quả giao dịch kinh doanh chứng khoán từ Trung Tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam đã được kiểm tra bởi Ngân hàng Giám sát (đối với chứng khoán niêm yết) và khi hoàn tất hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

### **(m) Chi phí**

Các khoản chi phí được ghi nhận trong báo cáo thu nhập khi phát sinh, trên cơ sở dồn tích và theo nguyên tắc thận trọng.

### **(n) Báo cáo bộ phận**

Quỹ hoạt động như một bộ phận kinh doanh, đầu tư chứng khoán và trong một vùng địa lý là Việt Nam.

### **(o) Các bên liên quan**

Các bên được xem là bên liên quan của Quỹ nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Quỹ và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được xem là liên quan.

Các quỹ đầu tư khác dưới sự quản lý của Công ty Quản lý Quỹ và người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ được xem là các bên liên quan với Quỹ theo quy định tại Luật Chứng khoán. Khi xem xét mối quan hệ giữa các bên liên quan cần chú ý tới bản chất mối quan hệ và không chỉ đơn thuần là hình thức pháp lý.

### **(p) Số dư bằng không**

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Thông tư số 198/2012/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở không được thể hiện trong báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không.

### **(q) Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của kỳ trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính kỳ này và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của kỳ hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Quỹ trong kỳ trước.

**Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Việt Nam Chọn Lọc**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B06 – QM**  
*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC  
ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)*

**5. Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền**

	<b>31/12/2021</b>	<b>31/12/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Tiền gửi không kỳ hạn cho hoạt động của Quỹ</b>		
Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered (Việt Nam)	29.121.896.968	186.862.518.769
	<hr/>	<hr/>

**Quý Đầu Tư Cổ Phiếu Việt Nam Chọn Lọc**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B06 – QM**  
*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)*

**6. Các khoản đầu tư**

Tất cả các công ty có cổ phiếu được đầu tư như được liệt kê trên báo cáo Danh mục đầu tư đều được thành lập và hoạt động tại Việt Nam.

Quý không tham gia vào các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động hàng ngày của các công ty được Quý đầu tư. Theo đó, Quý không có ý định kiểm soát hay có ảnh hưởng đáng kể đến các công ty được đầu tư và do đó các khoản đầu tư của Quý được ghi nhận theo chính sách kế toán được trình bày tại Thuyết minh 4(c), thay vì được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu hay hợp nhất.

	Giá mua VND [1]	Giá thị trường VND [2]	Chênh lệch tăng do đánh giá lại tại ngày 31/12/2021 VND [3]	Giá trị đánh giá lại VND [4] = [1] + [3]
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021</b>				
Cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu đang giao dịch trên UpCoM	4.549.480.965.626	5.361.643.307.800	812.162.342.174	5.361.643.307.800

	Giá mua VND [1]	Giá thị trường VND [2]	Chênh lệch tăng do đánh giá lại tại ngày 31/12/2020 VND [3]	Giá trị đánh giá lại VND [4] = [1] + [3]
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020</b>				
Cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu đang giao dịch trên UpCoM	1.952.045.656.643	2.450.750.194.400	498.704.537.757	2.450.750.194.400

**Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Việt Nam Chọn Lọc**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B06 – QM**  
*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)*

**7. Phải thu về bán các khoản đầu tư**

	<b>31/12/2021</b> <b>VND</b>	<b>31/12/2020</b> <b>VND</b>
Phải thu về bán các khoản đầu tư	26.908.045.000	-

Phải thu về bán các khoản đầu tư bao gồm các khoản phải thu từ bán cổ phiếu niêm yết mà các khoản phải thu này sẽ được thanh toán sau hai ngày làm việc kể từ ngày giao dịch (T+2) theo thông lệ kinh doanh chứng khoán hiện hành tại Việt Nam.

**8. Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận**

	<b>31/12/2021</b> <b>VND</b>	<b>31/12/2020</b> <b>VND</b>
Dự thu cổ tức chưa đến ngày nhận	3.975.494.000	780.960.000

**9. Phải trả về mua các khoản đầu tư**

	<b>31/12/2021</b> <b>VND</b>	<b>31/12/2020</b> <b>VND</b>
Phải trả về mua các khoản đầu tư	16.544.600.000	-

Phải trả về mua các khoản đầu tư bao gồm các khoản phải trả để mua cổ phiếu niêm yết mà các khoản phải trả này sẽ được thanh toán sau hai ngày làm việc kể từ ngày giao dịch (T+2) theo thông lệ kinh doanh chứng khoán hiện hành tại Việt Nam.

**10. Chi phí phải trả**

	<b>31/12/2021</b> <b>VND</b>	<b>31/12/2020</b> <b>VND</b>
Phí kiểm toán	99.000.000	45.100.000
Phí môi giới chứng khoán	65.178.968	-
Thù lao Ban Đại diện Quỹ	40.000.000	40.000.000
	<b>204.178.968</b>	<b>85.100.000</b>



**Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Việt Nam Chọn Lọc**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B06 – QM**  
*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC  
ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)*

**11. Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ**

	<b>31/12/2021</b>	<b>31/12/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải trả phí quản lý Quỹ	3.390.192.577	1.624.754.218
Phải trả phí lưu ký tài sản Quỹ	135.607.703	86.653.559
Phải trả phí quản trị Quỹ	124.307.061	142.978.373
Phải trả phí giám sát Quỹ	99.445.649	47.659.456
Phải trả phí dịch vụ đại lý chuyên nhượng	11.000.000	11.000.000
Phải trả phí giao dịch	7.600.000	12.960.000
	<hr/>	<hr/>
	3.768.152.990	1.926.005.606
	<hr/>	<hr/>

## Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Việt Nam Chọn Lọc

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B06 – QM

(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC  
ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)

### 12. Vốn góp của Nhà đầu tư

Căn cứ theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Thành lập Quỹ đại chúng số 31/GCN-UBCK ngày 2 tháng 3 năm 2018, vốn điều lệ của Quỹ là 70.798.450.000 VND tương ứng với 7.079.845 chứng chỉ quỹ theo mệnh giá 10.000 Đồng Việt Nam trên một chứng chỉ quỹ. Do Quỹ hoạt động theo hình thức Quỹ mở nên vốn góp của Quỹ và số lượng chứng chỉ quỹ thay đổi sau mỗi kỳ giao dịch chứng chỉ quỹ.

Biến động vốn góp của Nhà đầu tư cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 như sau:

Đơn vị	Tại ngày 31/12/2020 VND	Biến động trong năm VND	Tại ngày 31/12/2021 VND	
<b>Vốn góp phát hành</b>				
Số lượng (1)	CCQ	280.234.546,63	94.309.227,70	374.543.774,33
Mệnh giá (2)	VND	2.802.345.466.300	943.092.277.000	3.745.437.743.300
Thặng dư vốn góp phát hành (3)	VND	(760.863.016.300)	206.690.723.000	(554.172.293.300)
<b>Tổng giá trị phát hành chứng chỉ quỹ (4) = (2) + (3)</b>	<b>VND</b>	<b>2.041.482.450.000</b>	<b>1.149.783.000.000</b>	<b>3.191.265.450.000</b>
<b>Vốn góp mua lại</b>				
Số lượng (5)	CCQ	(4.155.360,10)	(1.600.500,00)	(5.755.860,10)
Mệnh giá (6)	VND	(41.553.601.000)	(16.005.000.000)	(57.558.601.000)
Thặng dư vốn góp mua lại (7)	VND	3.980.803.584	(4.347.368.195)	(366.564.611)
<b>Tổng giá trị mua lại chứng chỉ quỹ (8) = (6) + (7)</b>	<b>VND</b>	<b>(37.572.797.416)</b>	<b>(20.352.368.195)</b>	<b>(57.925.165.611)</b>
<b>Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành (9) = (1) + (5)</b>	<b>CCQ</b>	<b>276.079.186,53</b>	<b>92.708.727,70</b>	<b>368.787.914,23</b>
<b>Giá trị vốn góp của nhà đầu tư theo mệnh giá (10) = (2) + (6)</b>	<b>VND</b>	<b>2.760.791.865.300</b>	<b>927.087.277.000</b>	<b>3.687.879.142.300</b>
<b>Tổng thặng dư vốn góp (11) = (3) + (7)</b>	<b>VND</b>	<b>(756.882.212.716)</b>	<b>202.343.354.805</b>	<b>(554.538.857.911)</b>
<b>Lợi nhuận chưa phân phối (13) = (10) + (11) + (12)</b>	<b>VND</b>	<b>632.322.733.837</b>	<b>1.635.468.678.177</b>	<b>2.267.791.412.014</b>
<b>NAV hiện hành (13) = (10) + (11) + (12)</b>	<b>VND</b>	<b>2.636.232.386.421</b>	<b>Không áp dụng</b>	<b>5.401.131.696.403</b>
<b>NAV hiện hành/ Chứng chỉ quỹ (14) = (13)/(9)</b>	<b>VND</b>	<b>9.548,82</b>	<b>Không áp dụng</b>	<b>14.645,63</b>

**Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Việt Nam Chọn Lọc**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B06 – QM**  
*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)*

**13. Lợi nhuận chưa phân phối**

	<b>2021</b> <b>VND</b>	<b>2020</b> <b>VND</b>
Lợi nhuận chưa phân phối/(lỗ lũy kế) đầu năm	632.322.733.837	(13.337.236.629)
Lợi nhuận sau thuế trong năm	1.635.468.678.177	645.659.970.466
<i>Trong đó</i>		
▪ Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối	1.322.010.873.760	144.181.184.056
▪ Lợi nhuận chưa thực hiện	313.457.804.417	501.478.786.410
	<hr/>	<hr/>
Lợi nhuận chưa phân phối cuối năm	2.267.791.412.014	632.322.733.837
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

**14. Cổ tức được chia**

	<b>2021</b> <b>VND</b>	<b>2020</b> <b>VND</b>
Cổ tức đã nhận	22.808.657.664	13.528.772.534
Dự thu cổ tức	3.975.494.000	780.960.000
	<hr/>	<hr/>
	26.784.151.664	14.309.732.534
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

**15. Tiền lãi được nhận**

	<b>2021</b> <b>VND</b>	<b>2020</b> <b>VND</b>
Tiền lãi đã nhận (Thuyết minh 22)	437.440.868	273.416.431
	<hr/>	<hr/>



**Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Việt Nam Chọn Lọc**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B06 – QM**  
*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC  
 ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)*

**16. Lãi từ bán các khoản đầu tư**

**Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**

Danh mục các khoản đầu tư	Tổng giá trị bán VND [1]	Giá vốn bình quân VND [2]	Lãi bán chứng khoán trong năm 2021 VND [3] = [1] - [2]	Lãi bán chứng khoán lũy kế đầu năm VND [4]	Lãi bán chứng khoán lũy kế đến 31/12/2021 VND [5] = [3] + [4]
Cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu giao dịch trên UPCoM	6.699.542.240.785	5.346.780.183.817	1.352.762.056.968	136.378.152.338	1.489.140.209.306

**Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**

Danh mục các khoản đầu tư	Tổng giá trị bán VND [1]	Giá vốn bình quân VND [2]	Lãi bán chứng khoán trong năm 2020 VND [3] = [1] - [2]	Lỗ bán chứng khoán lũy kế đầu năm VND [4]	Lãi bán chứng khoán lũy kế đến 31/12/2020 VND [5] = [3] + [4]
Cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu giao dịch trên UPCoM	1.151.408.523.250	1.007.005.246.710	144.403.276.540	(8.025.124.202)	136.378.152.338



**Quý Đầu Tư Cổ Phiếu Việt Nam Chọn Lọc**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B06 – QM**  
*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)*

**17. Chênh lệch tăng đánh giá lại các khoản đầu tư**

**Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**

Danh mục các khoản đầu tư	Giá trị mua theo số kế toán VND [1]	Giá trị trường tại ngày 31/12/2021 VND [2]	Chênh lệch tăng đánh giá lại tại ngày 31/12/2021 VND [3] = [2] – [1]	Chênh lệch tăng đánh giá lại tại ngày 31/12/2020 VND [4]	Chênh lệch tăng đánh giá lại trong năm đánh giá lại trong năm VND [5] = [3] – [4]
Cổ phiếu niêm yết	4.549.480.965.626	5.361.643.307.800	812.162.342.174	498.704.537.757	313.457.804.417

**Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**

Danh mục các khoản đầu tư	Giá trị mua theo số kế toán VND [1]	Giá trị trường tại ngày 31/12/2020 VND [2]	Chênh lệch tăng đánh giá lại tại ngày 31/12/2020 VND [3] = [2] – [1]	Chênh lệch giảm đánh giá lại tại ngày 31/12/2019 VND [4]	Chênh lệch tăng đánh giá lại trong năm đánh giá lại trong năm VND [5] = [3] – [4]
Cổ phiếu niêm yết	1.952.045.656.643	2.450.750.194.400	498.704.537.757	(2.774.248.653)	501.478.786.410

**Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Việt Nam Chọn Lọc**

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

**Mẫu B06 – QM***(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC  
ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)***18. Chi phí giao dịch mua, bán các khoản đầu tư**

	<b>2021</b> <b>VND</b>	<b>2020</b> <b>VND</b>
Chi phí môi giới mua các khoản đầu tư (a)	11.295.441.402	4.133.294.862
Chi phí môi giới bán các khoản đầu tư (b)	9.341.586.582	1.673.398.013
Chi phí thanh toán tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam	30.848.281	4.812.375
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>
	20.667.876.265	5.811.505.250

**(a) Chi phí môi giới mua các khoản đầu tư**

	<b>2021</b> <b>VND</b>	<b>2020</b> <b>VND</b>
Cổ phiếu niêm yết	11.295.441.402	4.133.294.862
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

**(b) Chi phí môi giới bán các khoản đầu tư**

	<b>2021</b> <b>VND</b>	<b>2020</b> <b>VND</b>
Cổ phiếu niêm yết	9.341.586.582	1.673.398.013
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

**Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Việt Nam Chọn Lọc**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B06 – QM**  
 (Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC  
 ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)

Trong kỳ, giao dịch của Quỹ thực hiện chủ yếu thông qua các công ty chứng khoán sau:

**Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**

STT	Tên các công ty chứng khoán (có giá trị giao dịch từ 5% tổng giá trị giao dịch kỳ báo cáo) [1]	Quan hệ với công ty quản lý quỹ [2]	Tỷ lệ giao dịch của Quỹ qua từng công ty chứng khoán		Phí giao dịch bình quân trên thị trường [7]	
			Giá trị giao dịch trong năm của Quỹ với từng công ty chứng khoán [3]	Tổng giá trị giao dịch trong năm của Quỹ (*) [4]		
1	Công ty Cổ phần Chứng khoán Tân Việt	Không liên quan	4.088.293.730.000	14.643.757.733.585	0,15%	0,00%-0,50%
2	Công ty cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh	Không liên quan	2.993.618.419.000	14.643.757.733.585	0,15%	0,00%-0,50%
3	Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt	Không liên quan	1.905.514.775.000	14.643.757.733.585	13,01%	0,00%-0,50%
4	Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI	Không liên quan	1.728.050.305.000	14.643.757.733.585	11,80%	0,00%-0,50%
5	Công ty cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam	Không liên quan	1.639.712.755.000	14.643.757.733.585	11,20%	0,00%-0,50%
6	Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt	Không liên quan	1.233.623.300.000	14.643.757.733.585	8,42%	0,00%-0,50%
7	Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt	Không liên quan	1.013.366.280.000	14.643.757.733.585	6,92%	0,00%-0,50%
	<b>Tổng</b>		<b>14.602.179.564.000</b>		<b>99,71%</b>	

**Quý Đầu Tư Cổ Phiếu Việt Nam Chọn Lọc**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B06 – QM**  
 (Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC  
 ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)

**Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**

STT	Tên các công ty chứng khoán (có giá trị giao dịch từ 5% tổng giá trị giao dịch kỳ báo cáo) [1]	Quan hệ với công ty quản lý quỹ [2]	Tỷ lệ giao dịch của Quỹ qua từng công ty chứng khoán		Phí giao dịch bình quân trên thị trường [7]
			Giá trị giao dịch trong năm của Quỹ với từng công ty chứng khoán [3]	Tổng giá trị giao dịch trong năm của Quỹ (*) [4]	
1	Công ty Cổ phần Chứng khoán Tân Việt	Không liên quan	2.023.304.249.000	4.057.938.737.950	0,15%
2	Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt	Không liên quan	1.297.269.760.700	4.057.938.737.950	0,15%
3	Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam	Không liên quan	288.972.205.490	4.057.938.737.950	0,07%
4	Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt	Không liên quan	283.477.036.110	4.057.938.737.950	0,15%
5	Công ty cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh	Không liên quan	132.223.798.500	4.057.938.737.950	0,15%
<b>Tổng</b>			<b>4.025.247.049.800</b>	<b>99,19%</b>	

(\*) Tổng giá trị giao dịch trong năm của Quỹ bao gồm toàn bộ giao dịch của chứng khoán niêm yết và giao dịch chứng khoán lỏ lẻ.

**Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Việt Nam Chọn Lọc**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B06 – QM**  
*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC  
 ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)*

**19. Phí dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ**

	<b>2021 VND</b>	<b>2020 VND</b>
Phí dịch vụ lưu ký trả cho Ngân hàng Giám sát (Thuyết minh 22)	1.375.915.505	495.303.105
Phí dịch vụ lưu ký trả cho Trung Tâm Lưu Ký Chứng Khoán Việt Nam	232.814.720	40.394.244
Phí giao dịch chứng khoán trả cho Ngân hàng Giám sát (Thuyết minh 22)	121.580.000	107.700.000
	1.730.310.225	643.397.349
	1.730.310.225	643.397.349

**20. Chi phí hoạt động khác**

	<b>2021 VND</b>	<b>2020 VND</b>
Thù lao Ban Đại diện Quỹ (Thuyết minh 22)	260.000.000	260.000.000
Phí ngân hàng	8.289.513	11.471.916
Phí truy xuất thông tin trả cho Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam	1.100.000	3.300.000
Phí quản lý thường niên trả Ủy ban chứng khoán Nhà nước	-	16.739.726
	269.389.513	291.511.642
	269.389.513	291.511.642

**Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Việt Nam Chọn Lọc**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B06 – QM**

*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)*

**21. Giá trị tài sản ròng**

Kỳ	Ngày tính NAV	Giá trị tài sản ròng (NAV) VND [1]	Cho năm kết thúc ngày 31/12/2021		Tăng/(giảm) NAV/ICCG VND/CCQ
			Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ [2]	NAV/ICCG tại ngày tính NAV VND/CCQ [3] = [1]/[2]	
1	31/12/2020	2.636.232.386.421	276.079.186,53	9.548,82	
2	05/01/2021	2.716.272.303.107	276.079.186,53	9.838,74	289,92
3	12/01/2021	2.861.316.976.632	276.064.186,53	10.364,68	525,94
4	19/01/2021	2.737.722.569.672	276.064.186,53	9.916,97	(447,71)
5	26/01/2021	2.855.617.315.975	276.064.186,53	10.344,03	427,06
6	31/01/2021	2.688.108.772.614	276.064.186,53	9.737,26	(606,77)
7	02/02/2021	2.754.189.496.227	276.064.186,53	9.976,62	239,36
8	08/02/2021	2.813.725.599.496	278.419.693,70	10.106,05	129,43
9	16/02/2021	2.900.625.027.364	278.419.693,70	10.418,17	312,12
10	23/02/2021	3.016.996.601.614	278.419.693,70	10.836,14	417,97
11	28/02/2021	3.016.564.442.849	278.119.693,70	10.846,28	10,14
12	02/03/2021	3.050.453.945.691	278.119.693,70	10.968,13	121,85
13	09/03/2021	3.002.047.464.032	280.211.678,32	10.713,49	(254,64)
14	16/03/2021	3.070.354.007.588	280.197.678,32	10.957,81	244,32
15	23/03/2021	3.069.908.008.897	280.194.178,32	10.956,35	(1,46)
16	30/03/2021	3.061.115.863.809	280.194.178,32	10.924,98	(31,37)
17	31/03/2021	3.073.644.001.617	280.194.178,32	10.969,69	44,71
18	06/04/2021	3.205.717.683.355	280.194.178,32	11.441,05	471,36
19	13/04/2021	3.248.822.815.421	280.194.178,32	11.594,89	153,84
20	19/04/2021	3.343.057.935.432	280.194.178,32	11.931,21	336,32
21	27/04/2021	3.307.905.484.884	280.194.178,32	11.805,76	(125,45)
22	30/04/2021	3.389.188.145.129	280.194.178,32	12.095,85	290,09
23	04/05/2021	3.423.551.846.463	280.194.178,32	12.218,49	122,64
24	11/05/2021	4.530.798.105.792	364.901.863,14	12.416,48	197,99
25	18/05/2021	4.615.611.487.180	365.206.538,86	12.638,35	221,87
26	25/05/2021	4.817.393.825.119	365.201.538,86	13.191,05	552,70
27	31/05/2021	4.932.955.596.048	365.191.538,86	13.507,85	316,80
28	01/06/2021	4.990.413.286.277	365.191.538,86	13.665,19	157,34
29	08/06/2021	4.828.263.081.447	365.191.538,86	13.221,18	(444,01)
30	15/06/2021	4.971.034.365.085	363.981.538,86	13.657,38	436,20
31	22/06/2021	4.996.722.633.702	363.981.538,86	13.727,95	70,57
32	29/06/2021	5.104.485.174.840	363.981.538,86	14.024,02	296,07
33	30/06/2021	5.101.533.601.265	363.981.538,86	14.015,91	(8,11)
34	06/07/2021	4.970.035.955.902	363.981.538,86	13.654,63	(361,28)
35	13/07/2021	4.810.583.883.683	363.981.538,86	13.216,56	(438,07)
36	20/07/2021	4.675.320.583.773	363.981.538,86	12.844,93	(371,63)
37	27/07/2021	4.662.631.859.333	363.981.538,86	12.810,07	(34,86)
38	31/07/2021	4.804.795.775.056	363.981.538,86	13.200,65	390,58
39	03/08/2021	4.846.201.740.184	363.981.538,86	13.314,41	113,76
40	10/08/2021	5.014.501.398.507	368.825.914,23	13.595,84	281,43
41	17/08/2021	5.059.021.793.754	368.825.914,23	13.716,55	120,71

**Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Việt Nam Chọn Lọc**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B06 – QM**

*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)*

Kỳ	Ngày tính NAV	Giá trị tài sản ròng (NAV) VND [1]	Cho năm kết thúc ngày 31/12/2021		
			Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ [2]	NAV/ICCCQ tại ngày tính NAV VND/CCQ [3] = [1]/[2]	Tăng/(giảm) NAV/ICCCQ VND/CCQ
42	24/08/2021	4.793.896.416.374	368.825.914,23	12.997,72	(718,83)
43	31/08/2021	4.855.667.751.152	368.825.914,23	13.165,20	167,48
44	07/09/2021	4.929.076.957.969	368.825.914,23	13.364,23	199,03
45	14/09/2021	4.918.050.627.660	368.825.914,23	13.334,34	(29,89)
46	21/09/2021	4.949.969.170.059	368.825.914,23	13.420,88	86,54
47	28/09/2021	4.967.848.967.695	368.795.914,23	13.470,45	49,57
48	30/09/2021	4.969.668.934.340	368.795.914,23	13.475,39	4,94
49	05/10/2021	4.980.381.872.241	368.795.914,23	13.504,43	29,04
50	12/10/2021	5.182.665.758.936	368.795.914,23	14.052,93	548,50
51	19/10/2021	5.165.533.284.183	368.795.914,23	14.006,48	(46,45)
52	26/10/2021	5.108.464.921.544	368.795.914,23	13.851,73	(154,75)
53	31/10/2021	5.281.315.529.023	368.795.914,23	14.320,42	468,69
54	02/11/2021	5.277.381.549.533	368.795.914,23	14.309,76	(10,66)
55	09/11/2021	5.373.271.118.985	368.795.914,23	14.569,76	260,00
56	16/11/2021	5.348.014.948.988	368.795.914,23	14.501,28	(68,48)
57	23/11/2021	5.381.620.843.113	368.795.914,23	14.592,40	91,12
58	30/11/2021	5.404.005.069.657	368.795.914,23	14.653,10	60,70
59	07/12/2021	5.248.773.927.807	368.795.914,23	14.232,19	(420,91)
60	14/12/2021	5.325.388.395.968	368.795.914,23	14.439,93	207,74
61	21/12/2021	5.320.196.557.042	368.795.914,23	14.425,85	(14,08)
62	28/12/2021	5.357.241.572.369	368.787.914,23	14.526,61	100,76
63	31/12/2021	5.401.131.696.403	368.787.914,23	14.645,63	119,02
Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ		4.345.879.567.200	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
Biến động cao nhất của NAV/CCQ trong năm		Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng	(718,83)
Biến động thấp nhất của NAV/CCQ trong năm		Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng	(1,46)



**Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Việt Nam Chọn Lọc**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B06 – QM**

(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC  
 ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)

**Cho năm kết thúc ngày 31/12/2020**

Kỳ	Ngày tính NAV	Giá trị tài sản ròng (NAV) VND [1]	Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ [2]	NAV/ICCG tại ngày tính NAV VND/CCQ [3] = [1]/[2]	Tăng/(giảm) NAV/ICCG VND/CCQ
1	31/12/2019	51.506.838.771	6.372.222,18	8.083,02	
2	07/01/2020	51.424.901.010	6.372.222,18	8.070,16	(12,86)
3	14/01/2020	51.527.770.457	6.372.222,18	8.086,31	16,15
4	21/01/2020	52.208.163.477	6.372.222,18	8.193,08	106,77
5	28/01/2020	52.378.396.175	6.372.222,18	8.219,80	26,72
6	31/01/2020	49.099.614.250	6.372.222,18	7.705,25	(514,55)
7	04/02/2020	48.033.507.647	6.372.222,18	7.537,95	(167,30)
8	11/02/2020	48.680.369.240	6.372.222,18	7.639,46	101,51
9	18/02/2020	49.384.001.112	6.355.222,18	7.770,61	131,15
10	25/02/2020	47.972.594.739	6.355.222,18	7.548,53	(222,08)
11	29/02/2020	46.111.919.458	6.245.222,18	7.383,55	(164,98)
12	03/03/2020	46.666.625.362	6.245.222,18	7.472,37	88,82
13	10/03/2020	43.540.938.926	6.245.222,18	6.971,87	(500,50)
14	17/03/2020	37.405.280.060	6.115.222,18	6.116,74	(855,13)
15	24/03/2020	33.028.996.685	6.115.222,18	5.401,11	(715,63)
16	31/03/2020	29.463.157.849	5.681.045,08	5.186,22	(214,89)
17	07/04/2020	33.929.119.025	5.681.045,08	5.972,33	786,11
18	14/04/2020	34.936.397.503	5.678.045,08	6.152,89	180,56
19	21/04/2020	35.534.696.800	5.678.045,08	6.258,26	105,37
20	28/04/2020	35.669.401.559	5.678.045,08	6.281,98	23,72
21	30/04/2020	35.759.145.969	5.678.045,08	6.297,79	15,81
22	05/05/2020	35.385.690.409	5.678.045,08	6.232,01	(65,78)
23	12/05/2020	38.661.417.184	5.678.045,08	6.808,93	576,92
24	19/05/2020	39.533.706.234	5.678.045,08	6.962,55	153,62
25	26/05/2020	40.137.315.424	5.678.045,08	7.068,86	106,31
26	31/05/2020	39.678.982.086	5.678.045,08	6.988,14	(80,72)
27	02/06/2020	40.290.787.414	5.678.045,08	7.095,89	107,75
28	09/06/2020	41.483.572.154	5.678.045,08	7.305,96	210,07
29	16/06/2020	39.536.192.612	5.676.045,08	6.965,44	(340,52)
30	23/06/2020	430.472.891.858	61.236.067,12	7.029,72	64,28
31	30/06/2020	430.568.661.023	62.643.520,04	6.873,31	(156,41)
32	07/07/2020	439.330.374.804	62.643.520,04	7.013,18	139,87
33	14/07/2020	440.822.219.270	62.643.520,04	7.036,99	23,81
34	21/07/2020	441.244.090.676	62.643.520,04	7.043,73	6,74
35	28/07/2020	425.313.487.990	62.643.520,04	6.789,42	(254,31)
36	31/07/2020	414.792.708.089	62.643.520,04	6.621,47	(167,95)
37	04/08/2020	434.512.489.574	62.643.520,04	6.936,27	314,80
38	11/08/2020	1.508.557.258.133	214.021.710,33	7.048,61	112,34
39	18/08/2020	1.510.482.315.671	214.021.710,33	7.057,61	9,00
40	25/08/2020	1.573.860.489.852	214.021.710,33	7.353,74	296,13
41	31/08/2020	1.702.377.034.547	229.660.011,38	7.412,59	58,85



**Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Việt Nam Chọn Lọc**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B06 – QM**

(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC  
ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)

**Cho năm kết thúc ngày 31/12/2020**

Kỳ	Ngày tính NAV	Giá trị tài sản ròng (NAV) VND [1]	Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ [2]	NAV/ICCG tại ngày tính NAV VND/CCQ [3] = [1]/[2]	Tăng/(giảm) NAV/ICCG VND/CCQ
42	01/09/2020	1.717.023.010.636	229.660.011,38	7.476,36	63,77
43	08/09/2020	1.704.660.882.227	229.660.011,38	7.422,54	(53,82)
44	15/09/2020	1.832.706.414.710	245.153.360,01	7.475,75	53,21
45	22/09/2020	1.880.673.876.603	245.153.360,01	7.671,41	195,66
46	29/09/2020	1.886.938.391.651	245.153.360,01	7.696,97	25,56
47	30/09/2020	1.889.181.636.469	245.153.360,01	7.706,12	9,15
48	06/10/2020	1.933.777.054.292	245.153.360,01	7.888,02	181,90
49	13/10/2020	1.940.128.636.263	245.153.360,01	7.913,93	25,91
50	20/10/2020	2.011.171.832.800	245.153.360,01	8.203,72	289,79
51	27/10/2020	2.015.956.576.920	245.153.360,01	8.223,24	19,52
52	31/10/2020	1.970.926.205.271	245.153.360,01	8.039,56	(183,68)
53	03/11/2020	2.002.048.869.648	245.153.360,01	8.166,51	126,95
54	10/11/2020	2.025.038.619.513	245.122.360,01	8.261,34	94,82
55	17/11/2020	2.220.317.806.205	259.284.728,53	8.563,20	301,91
56	24/11/2020	2.283.493.434.523	259.284.728,53	8.806,90	243,65
57	30/11/2020	2.296.313.875.483	259.284.728,53	8.856,34	49,45
58	01/12/2020	2.309.501.516.966	259.284.728,53	8.907,20	50,86
59	08/12/2020	2.495.803.774.094	275.563.693,86	9.057,08	149,88
60	15/12/2020	2.538.764.024.964	276.079.186,53	9.195,78	138,70
61	22/12/2020	2.592.492.603.727	276.079.186,53	9.390,39	194,61
62	29/12/2020	2.614.895.326.092	276.079.186,53	9.471,54	81,15
63	31/12/2020	2.636.232.386.421	276.079.186,53	9.548,82	77,28
Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ		905.484.903.105	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
Biến động cao nhất của NAV/CCQ trong năm		Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng	(855,13)
Biến động thấp nhất của NAV/CCQ trong năm		Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng	6,74

2011  
 CHI  
 ĐNC  
 K  
 PH

## Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Việt Nam Chọn Lọc

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B06 – QM

(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC  
ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)

## 22. Các bên liên quan và các hợp đồng then chốt

### (a) Các bên liên quan

*Giao dịch với Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Dragon Capital Việt Nam – Công ty Quản lý Quỹ*

	2021 VND	2020 VND
Phí quản lý Quỹ	32.598.976.229	6.792.246.698

Theo Điều lệ Quỹ, tỷ lệ phí quản lý Quỹ là 0,75%/năm. Phí được tính vào mỗi kỳ định giá trong kỳ dựa trên số ngày thực tế của chu kỳ định giá và NAV tại ngày trước ngày định giá. Số phí trả cho Công ty Quản lý Quỹ là tổng số phí được tính (trích lập) cho các kỳ định giá đã thực hiện trong kỳ để đảm bảo tổng phí quản lý Quỹ và các phí khác mà Quỹ trả cho Công ty Quản lý Quỹ (nếu có) tuân thủ các quy định của pháp luật.

*Giao dịch với Ban Đại diện Quỹ*

	2021 VND	2020 VND
Thù lao Ban Đại diện Quỹ (Thuyết minh 20)	260.000.000	260.000.000

Ngoài tiền thù lao theo quy định tại Điều lệ Quỹ, không có bất kỳ hợp đồng nào mà theo đó Quỹ và bất kỳ thành viên của Ban Đại diện Quỹ là một bên tham gia ký kết hợp đồng trong đó thành viên Ban Đại diện Quỹ có lợi ích trọng yếu. Thù lao của thành viên Ban Đại diện Quỹ được ghi nhận là chi phí của Quỹ trong báo cáo thu nhập.

**Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Việt Nam Chọn Lọc**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B06 – QM**  
 (Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC  
 ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)

**(b) Các hợp đồng then chốt**

**Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered (Việt Nam) – Ngân hàng Giám sát**

	<b>2021</b>	<b>2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phí dịch vụ quản trị Quỹ	1.472.328.164	706.738.698
Phí dịch vụ lưu ký (Thuyết minh 19)	1.375.915.505	495.303.105
Phí dịch vụ giám sát Quỹ	956.236.636	315.547.349
Phí giao dịch chứng khoán (Thuyết minh 19)	121.580.000	107.700.000
Phí ngân hàng	8.044.300	11.238.536
Thu nhập lãi tiền gửi (Thuyết minh 15)	437.440.868	273.416.431

Quỹ đã chỉ định Ngân hàng Standard Chartered (Vietnam) Ltd. (“Standard Chartered”) làm Ngân hàng Lưu ký tài sản và Giám sát hoạt động của Quỹ. Standard Chartered đồng thời được ủy quyền từ Công ty Quản lý Quỹ để cung cấp dịch vụ quản trị Quỹ. Theo Điều lệ Quỹ, Quỹ có nghĩa vụ phải thanh toán phí lưu ký, phí giám sát tài sản và phí quản trị quỹ hàng tháng cho tổ chức cung cấp dịch vụ tương ứng. Phí được tính vào mỗi kỳ định giá dựa trên NAV tại ngày trước ngày định giá. Số phí trả hàng tháng là tổng số phí được tính cho các kỳ định giá trong tháng nhưng không nhỏ hơn mức phí tối thiểu và không vượt quá mức phí tối đa, cụ thể mức phí tối đa như sau:

<b>Dịch vụ</b>	<b>Biểu phí</b>
Phí dịch vụ lưu ký	<ul style="list-style-type: none"> <li>▪ NAV dưới 1.000 tỷ VND: 0,04% NAV mỗi năm</li> <li>▪ NAV từ 1.000 tỷ VND đến 2.000 tỷ VND: 0,035% NAV mỗi năm</li> <li>▪ NAV từ 2.000 tỷ VND trở lên: 0,03% NAV mỗi năm</li> <li>▪ Tối thiểu 23 triệu đồng/tháng</li> </ul>
Phí dịch vụ giám sát	<ul style="list-style-type: none"> <li>▪ 0,02% NAV mỗi năm. Tối thiểu 17 triệu đồng/tháng</li> </ul>
Phí dịch vụ quản trị Quỹ	<ul style="list-style-type: none"> <li>Từ ngày 1/1/2021 đến 31/3/2021:                             <ul style="list-style-type: none"> <li>▪ 0,06% NAV mỗi năm</li> <li>▪ Tối thiểu 20 triệu đồng/tháng</li> </ul> </li> <li>Từ ngày 1/4/2021:                             <ul style="list-style-type: none"> <li>▪ NAV dưới 500 tỷ VND: 0,06% NAV mỗi năm</li> <li>▪ NAV từ 500 tỷ VND đến 1.000 tỷ VND: 0,05% NAV mỗi năm</li> <li>▪ NAV từ 1.000 tỷ VND đến 2.000 tỷ VND: 0,04% NAV mỗi năm</li> <li>▪ NAV từ 2.000 tỷ VND đến 3.000 tỷ VND: 0,03% NAV mỗi năm</li> <li>▪ NAV trên 3.000 tỷ VND: 0,025% NAV mỗi năm</li> <li>▪ Tối thiểu 20 triệu đồng/tháng</li> </ul> </li> </ul>
Phí giao dịch bù trừ chứng khoán	<ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Từ ngày 1/1/2021 đến 31/3/2021: 160.000 VND/giao dịch</li> <li>▪ Từ ngày 1/4/2021: 100.000 VND/giao dịch</li> </ul>

## Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Việt Nam Chọn Lọc

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B06 – QM

(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC  
ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)

### 23. Một số chỉ tiêu đánh giá hoạt động Quỹ

	2021	2020
<b>I Các chỉ tiêu về hiệu quả hoạt động đầu tư</b>		
<i>Tỷ lệ chi phí hoạt động</i>		
1 Phí quản lý Quỹ/NAV bình quân trong năm của Quỹ	0,75%	0,75%
2 Phí dịch vụ lưu ký và giám sát Quỹ/NAV bình quân trong năm của Quỹ	0,06%	0,10%
3 (Phí dịch vụ quản trị Quỹ, phí đại lý chuyển nhượng và các phí khác)/NAV bình quân trong năm của Quỹ	0,04%	0,10%
4 Chi phí kiểm toán/NAV bình quân trong năm của Quỹ	0,00%	0,01%
5 Thù lao Ban Đại diện Quỹ/NAV bình quân trong năm của Quỹ	0,01%	0,03%
6 Chi phí hoạt động/NAV bình quân trong năm của Quỹ	1,33%	1,64%
<i>Tốc độ vòng quay danh mục</i>		
7 Tốc độ vòng quay danh mục đầu tư trong năm = (Tổng giá trị danh mục mua vào + tổng giá trị danh mục bán ra)/2/ NAV bình quân trong năm của Quỹ	168,48%	224,08%
<b>II Các chỉ tiêu khác</b>		
<b>1 Quy mô Quỹ đầu năm (tính theo mệnh giá chứng chỉ quỹ)</b>		
Tổng số lượng chứng chỉ quỹ lưu hành đầu năm (CCQ)	276.079.186,53	6.372.222,18
Tổng giá trị chứng chỉ quỹ lưu hành đầu năm (VND)	2.760.791.865.300	63.722.221.800
<b>2 Thay đổi quy mô Quỹ trong năm (tính theo mệnh giá chứng chỉ quỹ)</b>		
Số lượng chứng chỉ quỹ phát hành trong năm (CCQ)	94.309.227,70	270.454.141,45
Giá trị vốn góp phát hành trong năm (theo mệnh giá) (VND)	943.092.277.000	2.704.541.414.500
Số lượng chứng chỉ quỹ mua lại trong năm (CCQ)	(1.600.500,00)	(747.177,10)
Giá trị vốn góp mua lại trong năm khi đáp ứng lệnh của nhà đầu tư (theo mệnh giá) (VND)	(16.005.000.000)	(7.471.771.000)
<b>3 Quy mô Quỹ cuối năm (tính theo mệnh giá Chứng chỉ quỹ)</b>		
Tổng số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành cuối năm (CCQ)	368.787.914,23	276.079.186,53
Tổng giá trị đơn vị quỹ đang lưu hành cuối năm (VND)	3.687.879.142.300	2.760.791.865.300
<b>4 Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của Công ty Quản lý Quỹ và các bên có liên quan cuối năm</b>	<b>0,004%</b>	<b>0,010%</b>

## Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Việt Nam Chọn Lọc

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B06 – QM

(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)

	2021	2020
5 Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của 10 nhà đầu tư lớn nhất cuối năm	99,99%	99,97%
6 Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư nước ngoài cuối năm	99,94%	99,77%
7 Số nhà đầu tư tham gia vào Quỹ cuối năm	20	29
8 NAV/Chứng chỉ quỹ cuối năm	14.645,63	9.548,82

## 24. Quản lý rủi ro tài chính

Các loại rủi ro mà Quỹ phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Quỹ sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Danh mục đầu tư của Quỹ bao gồm cổ phiếu niêm yết, quyền mua cổ phiếu và tiền gửi ngân hàng. Ban Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ có toàn quyền trong việc quản lý tài sản của Quỹ theo đúng mục tiêu đầu tư của Quỹ. Ngân hàng Giám sát giám sát việc tuân thủ phân bổ các tài sản và cơ cấu danh mục đầu tư theo cơ sở hàng tuần và hàng tháng. Trong trường hợp danh mục đầu tư khác với mục tiêu phân bổ tài sản, Ban Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ có nghĩa vụ cân bằng lại danh mục đầu tư theo đúng mục tiêu đã định.

### (a) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà Quỹ phải gánh chịu tổn thất tài chính do một bên đối tác của công cụ tài chính không thực hiện nghĩa vụ hoặc cam kết đã ký kết với Quỹ. Rủi ro này phát sinh chủ yếu từ tiền gửi ngân hàng và các khoản phải thu.

Tiền gửi có kỳ hạn và không kỳ hạn của Quỹ được gửi tại các tổ chức tín dụng có uy tín mà Ban đại diện Quỹ đã phê duyệt và Công ty Quản lý Quỹ cho là sẽ không có bất kỳ khoản tổn thất nào phát sinh từ việc không thực hiện nghĩa vụ của các tổ chức tín dụng này.

Các cổ phiếu niêm yết của Quỹ được giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và thị trường UPCoM hoặc với các bên đối tác có chỉ số xếp hạng tín nhiệm cụ thể. Tất cả các hoạt động giao dịch đối với chứng khoán niêm yết được thanh toán hoặc chi trả qua Trung tâm lưu ký chứng khoán và các nhà môi giới đã được chấp thuận. Rủi ro không được trả nợ do đó được xem là rất nhỏ.

0011  
CHI  
:ON  
K  
/H.P

S - C  
NG TY  
PHẦN  
Y QUỸ Đ  
ON CAPI  
T NAM  
P HỒ

**Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Việt Nam Chọn Lọc**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B06 – QM**  
*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC  
 ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)*

Các khoản phải thu phản ánh các khoản phải thu từ lãi tiền gửi ngân hàng, cổ tức được nhận và tiền bán chứng khoán phải thu. Công ty Quản lý Quỹ tin rằng không cần thiết phải lập dự phòng phải thu khó đòi cho các khoản phải thu này tại ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Trạng thái rủi ro tín dụng tối đa mà Quỹ có thể phải chịu bằng với giá trị ghi sổ của tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền và các khoản phải thu.

**(b) Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Quỹ sẽ gặp khó khăn trong việc thực hiện các nghĩa vụ gắn liền với các khoản nợ phải trả tài chính mà các khoản nợ này sẽ được thanh toán bằng tiền hoặc tài sản tài chính khác.

Phương pháp quản lý rủi ro thanh khoản của Quỹ là đảm bảo Quỹ luôn có đủ một lượng tiền mặt nhằm để đáp ứng các yêu cầu thanh khoản trong ngắn hạn và dài hạn.

Tài sản tài chính của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020 chủ yếu là chứng khoán niêm yết. Các khoản đầu tư của Quỹ vào chứng khoán niêm yết được xem là có thể dễ dàng chuyển đổi thành tiền mặt vì được giao dịch trên Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và thị trường UPCoM. Do đó, Quỹ có thể dễ dàng chuyển đổi các khoản đầu tư của Quỹ thành tiền mặt kịp thời nhằm đáp ứng các nhu cầu thanh khoản của Quỹ.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020, thời gian đáo hạn còn lại dựa theo hợp đồng của các khoản nợ phải trả tài chính như sau:

<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021</b>	<b>Giá trị ghi sổ VND</b>	<b>Dòng tiền trước chiết khấu VND</b>	<b>Trong vòng 1 năm VND</b>
Phải trả về mua các khoản đầu tư	16.544.600.000	16.544.600.000	16.544.600.000
Chi phí phải trả	204.178.968	204.178.968	204.178.968
Phải trả dịch vụ quản lý quỹ	3.768.152.990	3.768.152.990	3.768.152.990
	20.516.931.958	20.516.931.958	20.516.931.958
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020</b>	<b>Giá trị ghi sổ VND</b>	<b>Dòng tiền trước chiết khấu VND</b>	<b>Trong vòng 1 năm VND</b>
Phải trả phí cho Công ty Quản lý quỹ về mua bán Chứng chỉ quỹ	150.000.000	150.000.000	150.000.000
Chi phí phải trả	85.100.000	85.100.000	85.100.000
Phải trả dịch vụ quản lý quỹ	1.926.005.606	1.926.005.606	1.926.005.606
	2.161.105.606	2.161.105.606	2.161.105.606

## Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Việt Nam Chọn Lọc

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B06 – QM

(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC  
ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)

### (c) **Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như lãi suất, tỷ giá hối đoái và giá thị trường sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Quỹ hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Quỹ nắm giữ.

#### (i) **Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc dòng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính của Quỹ sẽ biến động do sự thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Quỹ là không đáng kể vì tất cả các khoản tiền gửi có kỳ hạn của Quỹ đều có thời gian đáo hạn ngắn.

#### (ii) **Rủi ro tiền tệ**

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính của Quỹ bị ảnh hưởng bởi những thay đổi về tỷ giá hối đoái. Quỹ không bị ảnh hưởng bởi rủi ro tiền tệ do các tài sản và các khoản nợ phải trả của Quỹ có gốc tiền tệ là Đồng Việt Nam, cũng là đơn vị tiền tệ kế toán của Quỹ.

#### (iii) **Rủi ro giá thị trường**

Rủi ro giá thị trường là rủi ro mà giá trị của công cụ tài chính bị sụt giảm do sự thay đổi của chỉ số thị trường và giá của từng loại chứng khoán.

Quỹ đầu tư vào chứng khoán niêm yết mà các chứng khoán này sẽ bị ảnh hưởng bởi rủi ro giá thị trường phát sinh từ sự không chắc chắn về những biến động của giá thị trường tương lai của các chứng khoán này. Công ty Quản lý Quỹ quản lý rủi ro giá thị trường bằng việc đa dạng hóa danh mục đầu tư và thận trọng trong việc lựa chọn các chứng khoán để đầu tư trong hạn mức được qui định.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, giá trị thị trường của các cổ phiếu niêm yết của Quỹ là 5.361.643.307.800 VND (31/12/2020: 2.450.750.194.400 VND). Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021, tỷ lệ biến động giữa tháng có chỉ số VN-Index cao nhất và thấp nhất xấp xỉ 42% (cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020: 67%). Nếu giá thị trường của các cổ phiếu này giảm hoặc tăng 42% tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 (31/12/2020: 67%) với tất cả các biến số khác không thay đổi, giá trị tài sản ròng của Quỹ sẽ giảm hoặc tăng tương ứng là 2.251.890.189.276 VND (31/12/2020: 1.642.002.630.248 VND).





## Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Việt Nam Chọn Lọc

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B06 – QM

(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC  
ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)

### (d) Giá trị hợp lý

Giá trị hợp lý là giá trị được xác định phù hợp với giá thị trường, có thể nhận được khi bán một tài sản hoặc chuyển nhượng một khoản nợ phải trả tại thời điểm xác định giá trị.

### (i) So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính của Quỹ:

	31/12/2021		31/12/2020	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
<i>Được phân loại là tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo thu nhập:</i>				
▪ Cổ phiếu niêm yết	5.361.643.307.800	5.361.643.307.800	2.450.750.194.400	2.450.750.194.400
<i>Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:</i>				
▪ Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền	29.121.896.968	29.121.896.968	186.862.518.769	186.862.518.769
▪ Các khoản phải thu	30.883.539.000	30.883.539.000	780.960.000	780.960.000

### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:

▪ Phải trả về mua các khoản đầu tư	16.544.600.000	16.544.600.000	-	-
▪ Chi phí phải trả	204.178.968	204.178.968	85.100.000	85.100.000
▪ Phải trả phí cho Công ty Quản lý quỹ về mua bán Chứng chỉ quỹ	-	-	150.000.000	150.000.000
▪ Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ	3.768.152.990	3.768.152.990	1.926.005.606	1.926.005.606

**Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Việt Nam Chọn Lọc**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B06 – QM**  
(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC  
ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)

**(ii) Cơ sở xác định giá trị hợp lý**

Quỹ sử dụng các phương pháp và giả định sau trong việc ước tính giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền tại ngân hàng là giá trị ghi sổ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Giá trị hợp lý của cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và thị trường UPCoM là giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch Chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá.
- Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính khác xấp xỉ giá trị ghi sổ của các tài sản và nợ phải trả tài chính này tại ngày kết thúc kỳ kế toán do các công cụ tài chính này có kỳ hạn ngắn.

**25. Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán dẫn đến yêu cầu phải có điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính của Quỹ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

**26. Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Quỹ tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

**27. Phê duyệt phát hành báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt phát hành vào ngày 4 tháng 3 năm 2022.

Ngày 4 tháng 3 năm 2022

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu Tư Dragon Capital Việt Nam

Người lập:



Bà Phạm Thị Như Thảo  
Kế toán quỹ

Người soát xét:



Ông Phạm Thanh Dũng  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Ông Beat Schurch  
Tổng Giám đốc